|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 6:** | |
| *Ngày soạn:4/1/2025* | **NGUYỄN TRÃI “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”** |

**A.. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. NĂNG LỰC** | |
| **Năng lực chung** | Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo. |
| **Năng lực đặc thù** | *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  - **HS biết cách:**  + Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác gia này. (HSKT)  + Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học. (HSKT)  + Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.  **- HS biết liên hệ, so sánh, kết nối:**  + Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội  + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.  **- HS biết cách vận dụng** các kiến thức về từ Hán Việt để giải quyết các bài tập thực hành về tiếng Việt.  - **HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội:** trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm, bài viết có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục.  **- HS biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau**; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại. |
| **II. PHẨM CHẤT**   * Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc. * Chăm chỉ học tập. | |

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

– GV có thể sử dụng một số tranh ảnh, trích đoạn phim, phóng sự,… có liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi (có thể phân công HS chuẩn bị theo nhóm) để khơi gợi hứng thú học tập. Một số đường link có thể tham khảo để khai thác tư liệu phục vụ cho việc dạy học văn bản Bình Ngô đại cáo:

+ https://www.youtube.com/watch?v=oMYbYEGbrxI

+ https://www.youtube.com/watch?v=DhGarsIdaKc&t=12s

+ <https://www.youtube.com/watch?v=o_1RvuX_syw&t=19s>

– GV thiết kế “bài giảng” điện tử với bản trình chiếu PowerPoint (nếu điều kiện cho phép).

Lưu ý: Khi sử dụng phương tiện để hỗ trợ cần tránh lãng phí thời gian, tránh rơi vào tình trạng lấn át văn bản ngôn từ.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

+ Bảng kiểm đánh giá.

+ Rubric đánh giá.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

**C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

Phạm Thị Vân-0972654819-THPT B Phủ Lý -Hà Nam

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Tiết:** **55**

**VĂN BẢN 1: TÁC GIA NGUYỄN TRÃI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**. (HSKT)**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác. **(HSKT)**

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

***Đọc hiểu nội dung***

- HS tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi. **(HSKT)**

- HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm *Bình Ngô đại cáo, Bảo kính cảnh giới* (bài 43), *Dục Thuý sơn* và các văn bản thực hành đọc. **(HSKT)**

- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc;

***Đọc hiểu hình thức***

- HS nắm được một số nét đặc trưng hình thức của thể loại văn bản giới thiệu một tác gia văn học (Tính khoa học, tính hệ thống, tính chính xác, tính toàn diện…)

**2. Phẩm chất (HSKT)**

- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc; biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**PP trò chơi: Đuổi hình bắt chữ**

- GV chiếu một số hình ảnh về các tác giả trung đại (Hồ Xuân Hương, Nguyễn Dữ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du,…); một số hình ảnh thường thấy trong thơ trung đại (tùng, trúc, cúc mai, ngư, tiều, canh mục, Tiểu Thanh, Thúy Vân, Thúy Kiều,…)

- HS xem hình ảnh, đoán tên gọi trong một phút

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xem hình ảnh, đoán tên gọi trong một phút

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:**

Trong thế kỉ XV, dân tộc Việt Nam đã sản sinh ra một con người toàn thiện: Nguyễn Trãi (1380 – 1442). Nếu lấy sự toàn thiện làm tiêu chí thì Nguyễn Trãi xứng đáng là con người ưu tú nhất của dân tộc ta kể từ khi lập quốc (thời đại Hùng Vương) đến nay.

Lê Thánh Tông, ông vua anh minh, có câu thơ ca ngợi Nguyễn Trãi:

*Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo.*

(Ức Trai lòng dạ sáng sao Khuê).

Nhận định ấy đã được chính sử Việt Nam và sự nghiệp văn chương trác tuyệt của Nguyễn Trãi xác nhận.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về Văn học trung đại Việt Nam, Tác giả văn học trung đại Việt Nam, Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại, Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, thảo luận nhóm, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT đã thực hiện ở nhà theo nhóm

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV kiểm tra việc hoàn thành các Phiếu học tập 01, 02, 03 ở nhà của các nhóm HS:

**Phiếu học tập 01: Tìm hiểu chung về văn học trung đại Việt Nam (Chuẩn bị ở nhà)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khái niệm,Thời gian ra đời** |  | |
| **Loại hình văn tự** |  | |
| **Phân kì** |  | |
| **Đặc điểm cơ bản** | **Nội dung** |  |
| **Hình thức nghệ thuật** |  |

###### Phiếu học tập 02: Tìm hiểu chung về tác giả văn học trung đại Việt Nam (Chuẩn bị ở nhà)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | |  |
|  |
|  |
| **Phân loại tác giả văn học trung đại Việt Nam** | **Theo tiêu chí lí tưởng triết- mĩ** |  |
|  |
|  |
| **Theo giới hoặc địa vị xã hội,...** | |

**Phiếu học tập 03: Tìm hiểu chung về văn nghị luận và văn nghị luận Việt Nam thời trung đại (Chuẩn bị ở nhà)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam** |  |
| **Đặc điểm các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam** |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| **Yếu tố tạo nên sức thuyết phục của văn nghị luận** |  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành các phiếu học tập ở nhà theo 3 nhóm (nhóm 1- phiếu 01, nhóm 2- phiếu 2, nhóm 3- phiếu 03) **(HSKT)**  - Nhóm 1 chuyển phiếu cho nhóm 2, nhóm 2 chuyển nhóm 3 và 3 chuyển cho 1 quan sát, góp ý lẫn nhau, sau 5 phút chuyển phiếu cùng góp ý về nhóm ban đầu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận hoàn thiện  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS từng nhóm dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trình bày kết quả.  - Các nhóm tiếp tục bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** (**GV)**  **-** Nhận xét về câu trả lời  - Chốt lại kiến thức trọng tâm | **I. Tìm hiểu Tri thức ngữ văn**  **1. Tìm hiểu chung về văn học trung đại Việt Nam**  **(Phiếu học tập 01 bên dưới)**  **2. Tìm hiểu chung về tác giả văn học trung đại Việt Nam**  **(Phiếu học tập 02 bên dưới)**  **3. Tìm hiểu chung về văn nghị luận và văn nghị luận Việt Nam thời trung đại**  **(Phiếu học tập 03 bên dưới)** |

**Phiếu học tập 01: Tìm hiểu chung về văn học trung đại Việt Nam (HSKT xem SGK)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khái niệm, Thời gian ra đời** | Văn học trung đại Việt Nam là thuật ngữ dùng để chỉ nền văn học viết của dân tộc được hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX | |
| **Loại hình văn tự** | Viết bằng chữ Hán và chữ Nôm | |
| **Phân kì** | Chia thành 4 giai đoạn (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV; từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII; từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX; nửa cuối thế kỉ XIX) | |
| **Đặc điểm cơ bản** | **Nội dung** | VHTĐ luôn gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, thể hiện rõ tinh thần yêu nước và đề cao các giá trị nhân văn, nhân đạo. |
| **Hình thức nghệ thuật** | Văn học trung đại Việt Nam có những đặc điểm cơ bản như: tính nguyên hợp (hiện tượng văn, sử, triết bất phân); tính song ngữ (được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm); tính sùng cổ, tính quy phạm,… Trong đó, tính quy phạm được xem là đặc trưng tiêu biểu nhất. |

###### Phiếu học tập 02: Tìm hiểu chung về tác giả văn học trung đại Việt Nam (HSKT xem SGK)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | | Là các thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc |
| Họ tiếp thu tinh hoa văn hoá dân gian và tiếp nhận ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo theo xu hướng dân tộc hoá |
| Họ đã sử dụng một cách chọn lọc văn tự Hán và nhiều thể loại của văn học Trung Quốc; đã sáng tạo chữ Nôm và các thể loại nội sinh độc đáo để xây dựng một nền văn học viết đậm đà bản sắc dân tộc. |
| **Phân loại tác giả văn học trung đại Việt Nam** | **Theo tiêu chí lí tưởng triết – mĩ** | Tác giả thiền sư: phát triển trong giai đoạn văn học Phật giáo thịnh đạt (trước thế kỉ XV), hầu hết tinh thông Tam giáo, nhiều người tham gia chính sự, giữ trọng trách trong triều đình. |
| Tác giả nhà nho: đa số làm quan; sáng tác thể hiện lí tưởng chính trị, đạo đức Nho giáo và phản ánh những khuynh hướng tư tưởng khác nhau tuỳ theo bối cảnh thời đại. |
| Tác giả vừa là thiền sư vừa là nhà nho (ví dụ: Trần Nhân Tông vừa là tác giả thiền sư vừa là tác giả nhà nho) |
| **Theo giới hoặc địa vị xã hội,...** | |

**Phiếu học tập 03: Tìm hiểu chung về văn nghị luận và văn nghị luận Việt Nam thời trung đại (HSKT xem SGK)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam** | Hịch, cáo, chiếu, biểu, thư, trát, luận thuyết, tự, bạt |
| **Đặc điểm các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam** | Bố cục mang tính quy phạm nghiêm ngặt, mỗi phần đảm nhận một chức năng cụ thể |
| Lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố |
| Lập luận chặt chẽ |
| Giọng điệu thường thể hiện vị thế, quyền uy của người viết. |
| Văn biền ngẫu xác lập cơ chế các cặp câu văn bằng nhau về số chữ, có đối thường gặp ở chiếu, hịch, cáo, phú. |
| **Yếu tố tạo nên sức thuyết phục của văn nghị luận** | Lập luận (luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) chặt chẽ |
| Yếu tố biểu cảm:  + Cảm xúc chân thành, mãnh liệt;  + Ngôn từ giàu hình ảnh;  + Giọng điệu hùng hồn, truyền cảm,… |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu văn bản 1. Tác gia Nguyễn Trãi**

**a. Mục tiêu:**

- HS tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi.

- HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm *Bình Ngô đại cáo, Bảo kính cảnh giới* (bài 43), *Dục Thuý sơn* và các văn bản thực hành đọc.

- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc; biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu tiểu sử Nguyễn Trãi, sự nghiệp sáng tác (tác phẩm chính, nội dung thơ văn, đặc điểm nghệ thuật thơ văn) của Nguyễn Trãi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**PHIẾU HỌC TẬP 4: Tiểu sử Nguyễn Trãi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm sinh – năm mất** | |  |
| **Tên hiệu** | |  |
| **Quê quán** | |  |
| **Xuất thân** | **Cha** |  |
| **Mẹ** |  |
| **Các giai đoạn cuộc đời** | 1400 (20 tuổi). |  |
| 1407 |  |
| 1423 |  |
| 1427 |  |
| Sau khởi nghĩa Lam Sơn |  |
| Năm 1437 |  |
| Năm 1440 |  |
| Năm 1442 |  |
| Năm 1464 |  |
| Năm 1980 |  |
| **Nhận xét khái quát về cuộc đời Nguyễn Trãi** | |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 5: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Tác phẩm** **chính)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn tự** | **Tác phẩm chính** | **Nội dung** | **Lĩnh vực/ Thể loại** |
| **CHỮ HÁN** |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **CHỮ NÔM** |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 6: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Nội dung thơ văn)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Những nội dung cơ bản của thơ văn Nguyễn Trãi** | Biểu hiện cụ thể | Ví dụ tiêu biểu | Nhận xét |
| **a. Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước:** |  |  |  |
| **b. Tình yêu thiên nhiên:** |  |  |  |
| **c. Những ưu tư về thế sự:** |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 7: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tác phẩm** | Biểu hiện | Ví dụ tiêu biểu | Đánh giá chung |
| **Văn chính luận của Nguyễn Trãi** |  |  |  |
| **Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi** |  |  |
| **Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 2.2.1. Tiểu sử Nguyễn Trãi**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức cho HS tìm hiểu tiểu sử Nguyễn Trãi qua trò chơi: Đường lên đỉnh Côn Sơn**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  GV đưa những mốc thời gian và một số vấn đề thân thế con người Nguyễn Trãi (có thể thiết kế câu hỏi theo những bậc núi đá để tạo hứng thú cho HS, gợi ý từ phiếu HT 4), HS nhìn những thông tin gợi ý, nêu những sự kiện xảy ra trong cuộc đời Nguyễn Trãi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện HS tham gia trò chơi  HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức bằng phiếu HT 4  **Hoạt động 2.2.2. Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS thể hiện sự hiểu biết về một số tác phẩm chính của Nguyễn Trãi qua trò chơi Đấu trí**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 2 đội chơi, từng thành viên mỗi đội đưa ra một tác phẩm của Nguyễn Trãi với sự giới thiệu ngắn gọn về nội dung, thể loại (Gợi ý từ phiếu HT 5) , đội nào không thể đưa thêm tác phẩm là đội thua  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS tham gia trò chơi thể hiện hiểu biết  HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức bằng phiếu HT 5  **Thảo luận nhóm:**  **Kĩ thuật Khăn trải bàn**  **Những kỹ thuật dạy học tích cực dành cho thầy cô (part 1) -**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Các nhóm hoàn thành **phiếu HT 6,7**  GV chia lớp thành 04 nhóm:  **- Nhóm 1, 2: Tìm hiểu nội dung thơ văn Nguyễn Trãi**  - **Nhóm 3, 4: Tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi**  - Các nhóm cùng rút ra nhận xét, đánh giá về sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi  **Thời gian làm việc nhóm: 05 phút**  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.** (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - GV Chuẩn kiến thức bằng phiếu HT 6,7 hoàn chỉnh. | **II. Tác gia Nguyễn Trãi**  **1. Tiểu sử Nguyễn Trãi**  **(Phiếu HT 4 bên dưới)**  **2. Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi**  **a. Một số tác phẩm chính**  **(Phiếu HT 5 bên dưới)**  **b. Nội dung thơ văn**  **(Phiếu HT 6 bên dưới)**  **c. Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi**  **(Phiếu HT 7 bên dưới)** |

**PHIẾU HỌC TẬP 4: Tiểu sử Nguyễn Trãi (HSKT đọc SGK)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm sinh – năm mất** | | Nguyễn Trãi sinh năm 1380, mất năm 1442 |
| **Tên hiệu** | | Ức Trai |
| **Quê quán** | | Chi Ngại - Chí Linh - Hải Dương. Sau dời về Nhị Khê - Thường Tín - Hà Tây |
| **Xuất thân** | **Cha** | Nguyễn Phi Khanh, học giỏi - đỗ Thái học sinh.. |
| **Mẹ** | Trần Thị Thái, con của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán -một quý tộc đời Trần |
| **Các giai đoạn cuộc đời** | 1400 (20 tuổi). | Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, cùng cha ra làm quan cho nhà Hồ. |
| 1407 | Giặc Minh cướp nước, triều Hồ sụp đổ, cha bị bắt sang Trung Quốc, Nguyễn Trãi bị giam lỏng ở thành Đông Quan. |
| 1423 | Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi đứng đầu, ông dâng "Bình Ngô Sách" và có đóng góp quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. |
| 1427 | Kháng chiến thành công ông thay mặt Lê Lợi viết “Bình Ngô đại cáo” |
| Sau khởi nghĩa Lam Sơn | Nguyễn Trãi hăm hở tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước nhưng lại bị nghi kị, chịu nhiều oan trái. |
| Năm 1437 | ông đã cáo quan về Côn Sơn (Hải Dương) ở ẩn. |
| Năm 1440 | Lê Thái Tông mời Nguyễn Trãi ra giúp nước. |
| Năm 1442 | Nguyễn Trãi bị bọn gian thần vu cho tội giết vua, chịu án “tru di tam tộc”, thơ văn bị tiêu hủy, cấm đoán. |
| Năm 1464 | Lê Thánh Tông minh oan cho Nguyễn Trãi, cho tìm lại con cháu và di sản tinh thần của ông. |
| Năm 1980 | Nguyễn Trãi được UNESCO vinh danh là “Danh nhân văn hóa thế giới” |
| **Nhận xét khái quát về cuộc đời Nguyễn Trãi** | | - Sinh trưởng trong gia đình có truyền thống yêu nước và văn hóa, văn học.  - Là bậc anh hùng dân tộc, là một nhân vật toàn tài hiếm có của lịch sử Việt Nam, được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới.  - Là người chịu những oan khiên thảm khốc. |

**PHIẾU HỌC TẬP 5: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Tác phẩm** **chính)**

**(HSKT xem SGK)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn tự** | **Tác phẩm chính** | **Nội dung** | **Lĩnh vực/ Thể loại** |
| **CHỮ HÁN** | ***Quân trung từ mệnh tập*** | Thư từ, biểu, quân lệnh gửi cho các tướng của ta và các bức thư gửi cho quân Minh nhằm “ đánh vào lòng người “ | Quân sự, ngoại giao/ Văn chính luận |
| ***Bình Ngô đại cáo*** | Tuyên bố nền hòa bình của đất nước sau khi chiến thắng quân Minh | Chính trị/ Thể Cáo, văn biền ngẫu |
| ***Ức Trai thi tập*** | Thể hiện cảm xúc trữ tình cá nhân | Thơ ca/ Thơ trữ tình, đa số là thơ Đường luật |
| ***Chí Linh sơn phú*** | Nêu công đức của Lê Lợi, vai trò nhà Lê | Lịch sử/ Phú |
| ***Lam Sơn thực lục*** | Ghi chép quá trình khởi nghĩa Lam Sơn | Lịch sử/ Ký |
| ***Băng Hồ di sự lục (Chuyện cũ về cụ Băng Hồ )*** | Khắc họa chân dung cụ Trần Nguyên Đán (Cụ Băng Hồ, ông ngoại Nguyễn Trãi ) | Lịch sử/ Ký |
| ***Dư địa chí*** | Ghi chép về địa lí | Địa lí |
| ***Lam Sơn Vĩnh Lăng thần đạo bi ( Bia thần đạo Vĩnh Lăng ở Lam Sơn)*** | Là bài văn bia ghi chép gia thế, sự nghiệp của Lê Thái Tổ sau ngày nhà vua mất | Lịch sử/ Bi (văn bia) |
| **CHỮ NÔM** | ***Quốc âm thi tập*** | Ghi lại những cảm xúc cá nhân | Thơ ca trữ tình/ Đường luật hoặc Đường luật xen lục ngôn |

**PHIẾU HỌC TẬP 6: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Nội dung thơ văn)**

**(cả lớp)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Những nội dung cơ bản của thơ văn Nguyễn Trãi** | **Biểu hiện cụ thể** | **Ví dụ tiêu biểu** | **Nhận xét** |
| **a. Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước:** | - Nguyễn Trãi đã tiếp thu chọn lọc, sáng tạo tư tưởng nhân nghĩa trong Nho giáo.  - Biểu hiện:  + Nhân nghĩa trước hết là thương dân, lấy cuộc sống bình yên, no ấm của nhân dân làm mục tiêu cao nhất.  + Khẳng định vai trò, sức mạnh cùng tư tưởng tôn trọng dân, biết ơn dân. | - “Vì dân lo trước, dạ khôn nguôi” (*Mạn hứng*, bài 2)  - “Lật thuyền mới biết dân như nước” (*Quan hải- Ức Trai thi tập*) | - Với Nguyễn Trãi, tư tưởng nhân nghĩa đã được mở rộng, phát triển thành lòng thương yêu, thái độ tôn trọng và biết ơn nhân dân. Yếu tố cốt lõi trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”. |
| **b. Tình yêu thiên nhiên:** | * - Tình yêu thiên nhiên là nguồn cảm hứng lớn trong thơ văn Nguyễn Trãi (đặc biệt là thơ) * - Biểu hiện: Thiên nhiên đa dạng, vừa mĩ lệ vừa bình dị, gần gũi | * “*Ức Trai thi tập*” và “*Quốc âm thi tập*” | Tâm hồn tác giả: tinh tế, nhạy cảm trước cái đẹp; nâng niu, trân trọng sự sống; phóng khoáng, lãng mạn, chan hoà với thiên nhiên,… |
| **c. Những ưu tư về thế sự:** | - Suốt đời mang mối “*ưu dân, ái quốc*” nên Nguyễn Trãi luôn trĩu nặng suy tư trước thế sự đen bạc.  - Sáng tác thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện rõ nỗi lòng ưu tư về thế sự.  - Nguyễn Trãi đối diện với thực tại ấy bằng tâm thế cứng cỏi, vững vàng, bằng cốt cách thanh cao. | “Phượng những tiếc cao, diều hãy liệng/Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi” (*Tự thuật*, bài 9 – *Quốc âm thi tập*)  - “Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược/Có nhân, có trí, có anh hùng” (*Bảo kính cảnh giới*, bài 5 – *Quốc âm thi tập*) | Con người từng trải, thấu hiểu lẽ đời, tâm thế cứng cỏi, cốt cách, và khí tiết thanh cao, sẵn sàng xả thân vì chính nghĩa,… |

**PHIẾU HỌC TẬP 7: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi) (cả lớp)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm tác phẩm** | Biểu hiện | Ví dụ tiêu biểu |
| **Văn chính luận của Nguyễn Trãi** | - Hiểu thấu đối tượng, bối cảnh chính trị, các vấn đề thời sự có liên quan.  - Tạo dựng nền tảng chính nghĩa, làm cơ cở vững chắc cho các lập luận.  - Lập luận sắc bén, chặt chẽ; ngôn ngữ hàm súc; giọng điệu phong phú, linh hoạt, truyền cảm; kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. | “Mưu tính việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, hoàn thành công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu” (*Lại thư trả lời Phương Chính- Quân trung từ mệnh tập*) |
| **Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi** | - Thể thơ Đường luật  - Ngôn ngữ cô đúc; nghệ thuật tả cảnh, tả tình tinh tế, tài hoa.  - Hình tượng thiên nhiên: vừa phóng khoáng, hùng vĩ, diễm lệ vừa thanh sơ, thơ mộng. | (*Loạn hậu đáo Côn Sơn cảm tác, Chu trung ngẫu thành, Tự thán, Thanh minh*,...) |
| **Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi** | - Đỉnh cao của thơ quốc âm trung đại  - Sáng tạo thể thơ riêng khi xen câu lục ngôn vào bài thơ thất ngôn  - Việt hóa nhiều đề tài, thi liệu mượn từ văn học Trung Quốc  - Ngôn ngữ: giản dị, đậm đà tính dân tộc… | *Tay ai thì lại làm nuôi miệng,*  *Làm biếng ngồi ăn lở núi non* |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: HS tham gia trò chơi ô chữ để trả lời câu hỏi và viết tích cực

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1: Trò chơi Giải ô chữ**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

* GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi giải ô chữ để khắc sâu, củng cố thêm kiến thức bài học.
* GV chia 4 tổ. Lần lượt đại diện của tổ chọn ô hàng ngang, tổ sẽ có 15s để thống nhất, đưa ra đáp án ô hàng ngang. Nếu tổ đó trả lời sai hoặc không có câu trả lời thì 1 trong 3 đội còn lại sẽ giành được quyền trả lời.
* Trả lời đúng mỗi ô hàng ngang được 10 điểm.
* Trả lời đúng ô hàng dọc được 50 điểm.
* Nếu trả lời sai ô hàng dọc thì đội chơi không còn quyền chơi tiếp mà cơ hội giành cho các đội còn lại.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | | | | | **T** | **Ư** | **T** | **Ư** | **Ơ** | **G** | **N** | **H** | **Â** | **N** | **N** | **G** | **H** | **I** | **A** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **C** | **Ô** | **N** | **S** | **Ơ** | **N** | **C** | **A** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ê** | **S** | **Ư** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | **Q** | **U** | **Â** | **N** | **T** | **R** | **U** | **N** | **G** | **T** | **Ư** | **M** | **Ê** | **N** | **H** | **T** | **Â** | **P** |
| **B** | **I** | **N** | **H** | **N** | **G** | **O** | **Đ** | **A** | **I** | **C** | **A** | **O** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **I** | **Ê** | **N** | **N** | **H** | **I** | **Ê** | **N** |  |  |  |  |  |

**Ô hàng ngang 1**: *Gồm 15 chữ cái* – Một trong những nội dung quan trọng trong thơ văn Nguyễn Trãi có ảnh hưởng của Đạo Nho?

**Ô hàng ngang 2**: *Gồm 8 chữ cái* – Một bài thơ chữ Hán về một địa danh mà Nguyễn Trãi từng lui về đó để ở ẩn?

**Ô hàng ngang 3:** *Gồm 5 chữ cái* – Một trong những nội dung thơ văn Nguyễn trãi thể hiện suy tư của ông về cuộc đời ?

**Ô hàng ngang 4**: *Gồm 18 chữ cái* – Tập văn chính luận của Nguyễn Trãi có sức mạnh được ví như 10 vạn quân?

**Ô hàng ngang 5**: *Gồm 13 chữ cái* – Bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết sau chiến thắng giặc Minh ?

**Ô hàng ngang 6***: Gồm 10 chữ cái –* Nơi ấp ủ và di dưỡng tâm hồn Nguyễn Trãi, cũng là một đề tài nổi bật trong thơ Nguyễn Trãi?

**Ô hàng dọc: Tên hiệu của Nguyễn Trãi**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực tham gia trò chơi.
* GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

**\*Nhiệm vụ 2: Viết tích cực (Về nhà)**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**- Yêu cầu HS:** Sưu tầm một bài thơ chữ Hán hoặc chữ Nôm của Nguyễn Trãi và viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu bài thơ đó

- GV gợi ý cho HS một số bài thơ:

+ Thơ chữ Hán: *Mộ xuân tức sự* (Tức sự chiều xuân), *Trại đầu xuân độ* (Bến đò xuân đầu trại),

*Thần Phù hải khẩu* (Cửa biển Thần Phù), *Vân Đồn*,…

+ Thơ chữ Nôm: *Cây chuối, Thuật hứng* (bài số 24), *Ngôn chí* (bài số 11, 20),…

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.
* Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

### Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn.

### Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh vào tiết học sau.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

### Giáo viên cung cấp thang đo cho HS tự đánh giá.

### Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

### **\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... .........................................................................................................................................................

2. Lựa chọn người viết đã hợp lí chưa?

.............................................................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................................................

4. Bài viết đã giới thiệu được hoàn cảnh, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

*Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi có còn phù hợp với thời đại ngày nay hay không?*

**Kĩ thuật Think – Pair – Share**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Think (Nghĩ):** HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.  **B2: Pair (Bắt cặp):** HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn.  **B3:** **Share (Chia sẻ):** HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp. | (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com) |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.
* GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
* Nhóm khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh ảnh ấn tượng về bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản giới thiệu về tác gia văn học

- Xem các Clip về Nguyễn Trãi trên Youtube.

**- Chuẩn bị bài:** đọc, tìm hiểu về văn bản 2. *Bình Ngô đại cáo* – Nguyễn Trãi

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Tiết: 56,57**

**VĂN BẢN 2: BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**. (HSKT)**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác. **(HSKT)**

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

***Đọc hiểu nội dung***

- HS vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức đã giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu *Bình Ngô đại cáo* – tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông. **(HSKT)**

***Đọc hiểu hình thức***

- HS nhận biết và phân tích được cách bố cục, mạch nghị luận, các lí lẽ và bằng chứng trong một văn bản nghị luận cổ qua tìm hiểu *Bình Ngô đại cáo* với tư cách là một tác phẩm cáo điển hình. **(HSKT)**

- HS biết cách phân tích, bình luận về vai trò của yếu tố biểu cảm trong các tác phẩm nghị luận cổ qua việc chỉ ra được những biểu hiện cụ thể của yếu tố này ở *Bình Ngô đại cáo*.

***Liên hệ, so sánh, kết nối***

- HS nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong một văn bản văn học cụ thể qua thực hành phân tích *Bình Ngô đại cáo*.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Nguyễn Trãi

***Đọc mở rộng***

- HS biết đọc các văn bản chính luận có độ dài tương đương với văn bản đã học.

**2. Phẩm chất (HSKT)**- HS biết kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc như Lê Lợi, Nguyễn Trãi,…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng KWLH, bảng kiểm đánh giá.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo ấn tượng và tâm thế tích cực để đi vào tìm hiểu một áng văn chính luận thời trung đại, được coi là “thiên cổ hùng văn”.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV hướng dẫn HS xem:

+ Clip đánh tan quân Tống: https://www.youtube.com/watch?v=SK7jCO\_6HDs

+ Clip chiến thắng giặc Minh: <https://www.youtube.com/watch?v=fAph_8PT_tY>

+ CM Tháng Tám: <https://www.youtube.com/watch?v=DINVYDmNZY0> (21:55)

Và đặt câu hỏi theo yêu cầu **phiếu 1**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS xem Clip trả lời nhanh câu hỏi

**Phiếu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| Gọi tên các sự kiện trong các Clip được đề cập. | ................................................................. |
| Nhận xét sự giống nhau giữa các sự kiện. | ........................................................ |
| Suy nghĩ của em về những sự kiện trên. | ........................................................ |

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

GV gọi HS trả lời câu hỏi

**🡺Dự kiến câu trả lời:**

**Phiếu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| Gọi tên các sự kiện trong các Clip được đề cập. | - Clip đánh tan quân Tống  - Clip chiến thắng giặc Minh  - CM Tháng Tám |
| Nhận xét sự giống nhau giữa các sự kiện. | - Là những chiến thắng vinh quang của dân tộc trước kẻ ngoại xâm hung hãn  - Chính chiến thắng đó đã giúp ta quét sạch ngoại xâm, giành lại được độc lập, tự do |
| Suy nghĩ của em về những sự kiện trên. | HS trình bày suy nghĩ cá nhân |

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)**

**Phiếu 2:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| K  - Em đã từng đọc những áng văn cổ Việt Nam nào được mệnh danh là hùng văn? | W  Em muốn biết thêm điều gì về những áng văn này? | L  Điều em đã học được về những tác phẩm này? | H  Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về những áng hùng văn trung đại theo cách nào? |
| ..........................  ..........................  ......................... | ……...................  ..........................  .......................... | …............................  …….......................  ................................ | ….......................  …......................  …...................... |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung văn bản**

**a. Mục tiêu**:

- Giúp HS biết cách đọc văn nghị luận trung đại góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ

- Tìm hiểu chung về văn bản *Bình Ngô đại cáo*

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý nghĩa nhan đề** |  |
| **Tư cách phát ngôn và hoàn cảnh ra đời** |  |
| **Mục đích** |  |
| **Đối tượng tác động** |  |
| **Thể loại** |  |
| **Phương thức biểu đạt chính** |  |
| **Giá trị nội dung** |  |
| **Nghệ thuật** |  |
| **Bố cục đoạn trích** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **TT1: GV hướng dẫn HS đọc văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV tự đọc hoặc cho một HS đọc phần giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm trong SGK, ghi nhớ những ý chính. **(HSKT)**  - HS nghe video đọc  <https://youtu.be/oMYbYEGbrxI>  - GV chỉ định HS đọc thành tiếng một số đoạn văn bản, nhắc các em chú ý đến cách đọc lối văn biền ngẫu  **Lưu ý:** Giọng đọc hào sảng, thấm đẫm tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc  - GV yêu cầu HS chú ý những cước chú và nội dung các thẻ chỉ dẫn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS đọc văn bản theo yêu cầu.  - HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét cách đọc của HS.  GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu  **TT2: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 3:** Tìm hiểu chung về văn bản  - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS hoàn thành phiếu học tập  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức. | **I. Đọc, tìm hiểu chung về văn bản**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Chú thích các từ ngữ cổ (SGK)  **2. Tìm hiểu chung văn bản**  **Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản(HSKT)**   |  |  | | --- | --- | | **Ý nghĩa nhan đề** | *- Đại cáo*: Tên thể loại - bài cáo lớn mang tầm quốc gia trọng đại.  *- Bình:* dẹp yên, bình định, ổn định*.*  *- Ngô:* chỉ giặc phương Bắc xâm lược với hàm ý căm thù, khinh bỉ. | | **Tư cách phát ngôn và hoàn cảnh ra đời** | **-** Tư cách phát ngôn:  + Chủ tướng Lê Lợi là người ban cáo  + Nguyễn Trãi – bậc khai quốc công thần, nhà quân sự lỗi lạc, bậc trí thức có tài đã thừa lệnh Lê Lợi soạn *Bình Ngô đại cáo*  - Hoàn cảnh ra đời:  + Vào cuối năm 1427, khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh kết thúc thắng lợi.  + Văn bản được ban bố vào tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428) | | **Mục đích** | - Tuyên bố về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống giặc Minh.  - Tóm tắt và thông báo về diễn biến, kết quả của cuộc kháng chiến.  - Thể hiện niềm tự hào về cuộc kháng chiến của nghĩa quân Lam Sơn  - Mở đầu cho một triều đại mới, một kỉ nguyên mới của đất nước | | **Đối tượng tác động** | Toàn thể nhân dân Đại Việt | | **Thể loại** | ***Thể cáo:*** Một thể văn nghị luận cổ, có nguồn gốc từ TQ, được vua chúa dùng để trình bày một sự nghiệp, tuyên ngôn một sự kiện trọng đại. | | **Phương thức biểu đạt chính** | Nghị luận | | **Bố cục đoạn trích** | - Bài cáo được chia làm 5 đoạn:  + Đoạn 1: Nguyên lí chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn  + Đoạn 2: Vạch trần tội ác kẻ thù, lí do dấy binh khởi nghĩa  + Đoạn 3: Suy nghĩ – ý chí – khát vọng của bậc chủ tướng trước vận mệnh đất nước và số phận nhân dân  + Đoạn 4: Diễn biến chính và kết quả cuộc khởi nghĩa  + Đoạn 5: Tuyên bố thắng lợi và tuyên ngôn độc lập | |

**Bảng kiểm kĩ năng đọc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo đọc đúng chính tả |  |
| **2** | Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tính thuyết phục của văn chính luận |  |
| **3** | Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện rõ nét tính thuyết phục của văn chính luận |  |
| **4** | Giọng đọc hào sảng, thấm đẫm tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc |  |
| **5** | Giúp người nghe như đang được hòa mình vào không khí chiến thắng hào hùng của cha ông |  |

**Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản chính luận trung đại:

+ Về hệ thống luận đề, luận điểm, luận cứ

+ Về sức mạnh thuyết phục của lập luận

+ Về vẻ đẹp của văn bản.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật thuyết phục của văn bản nghị luận

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**\*Các phiếu học tập:**

**HỆ THỐNG LUẬN ĐIỂM**

**Phiếu 4 (HSKT)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 1:** Luận đề chính nghĩa (Đoạn 1)  **Câu chủ đề: ..................................................................................................................** | | |
| **Nội dung:** ........................................................................................................................ | | |
| **Thao tác lập luận** | | .................................................................................... |
| **Luận cứ 1** | | .................................................................................... |
| **Luận cứ 2** | | .................................................................................... |
| **Luận cứ 3** | | .................................................................................... |
| **Luận cứ 4** | | .................................................................................... |
| **Luận cứ 5** | | .................................................................................... |
| **Nhận xét lập luận** | **Chức năng** | ....................................................................................  .................................................................................... |
|  | **Nghệ thuật lập luận** | ....................................................................................  .................................................................................... |

**Phiếu 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 2:** Sự phi nghĩa của kẻ thù (Đoạn 2) | | |
| **Nội dung:** ...................................................................................................................... | | |
| **Thao tác lập luận** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 1** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 2** | | .............................................................................................. |
| **Nhận xét lập luận** | **Chức năng** | ..............................................................................................  .............................................................................................. |
|  | **Nghệ thuật lập luận** | ..............................................................................................  .............................................................................................. |

**Phiếu 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 3:** Sức mạnh quân ta (Đoạn 3) | | |
| **Nội dung:** ...................................................................................................................... | | |
| **Thao tác lập luận** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 1** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 2** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 3** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 4** | | .............................................................................................. |
| **Nhận xét lập luận** | **Chức năng** | ..............................................................................................  .............................................................................................. |
|  | **Nghệ thuật lập luận** | .............................................................................................. |

**Phiếu 7**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 4:** Tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đoạn 4) | | |
| **Nội dung:** ......................................................................................................................... | | |
| **Thao tác lập luận** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 1** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 2** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 3** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 4** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 5** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 6** | | .............................................................................................. |
| **Nhận xét lập luận** | **Chức năng** | .............................................................................................. |
| **Nghệ thuật lập luận** | .............................................................................................. |

**Phiếu 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 5:** Tuyên bố độc lập (Đoạn 5) | | |
| **Nội dung:** ....................................................................................................................... | | |
| **Thao tác lập luận chính** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 1** | | .............................................................................................. |
| **Luận cứ 2** | | .............................................................................................. |
| **Nhận xét lập luận** | **Chức năng** | .............................................................................................. |
| **Nghệ thuật lập luận** | .............................................................................................. |

**Phiếu 9**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận của tác giả trong toàn tác phẩm** | |
| **Mạch ý** | .............................................................................................. |
| **Mạch lập luận** | .............................................................................................. |
| **Giọng văn** | .............................................................................................. |
| **Thể loại** | .............................................................................................. |
| **Sự kết hợp các phương thức biểu đạt** | .............................................................................................. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **TT1: Tìm hiểu đoạn 1,2,3,4,5**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Chia lớp thành 10 nhóm (Mỗi nhóm 4-5 HS)  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm (PHT số 4,5,6,7,8)  (?) Xác định câu chủ đề, nội dung, thao tác lập luận chính, luận cứ của đoạn?  (?) Nhận xét nghệ thuật lập luận (chức năng, nghệ thuật lập luận) của mỗi đoạn trong mạch lập luận.  (?) Cần chú ý những yếu tố nào trong mạch lập luận của đoạn (từ ngữ; câu văn; biện pháp nghệ thuật; lí lẽ; dẫn chứng, giọng văn…)?  + Nhóm 1,2: Tìm hiểu đoạn 1  + Nhóm 3,4: Tìm hiểu đoạn 2  + Nhóm 5,6: Tìm hiểu đoạn 3  + Nhóm 7,8: Tìm hiểu đoạn 4  + Nhóm 9,10: Tìm hiểu đoạn 5  (hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.  - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện nhóm 1 báo cáo; nhóm 2 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 1  - Đại diện nhóm 3 báo cáo; nhóm 4 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 2  - Đại diện nhóm 5 báo cáo; nhóm 6 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 3  - Đại diện nhóm 7 báo cáo; nhóm 8 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 4  - Đại diện nhóm 9 báo cáo; nhóm 10 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 5  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** Nội dung kiến thức, cách thức trình bày trên phiếu học tập của các nhóm  - Giọng điệu, tư thế, phong thái khi thuyết trình  - Tổ chức cho HS đánh giá chéo sản phẩm các nhóm bằng bảng kiểm trình bày HĐ nhóm (GV phát cho HS khi giao nhiệm vụ)  **TT2: Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận bài cáo**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** Chia HS thành các cặp (02 HS là một cặp)  - (?) Nêu lên một vài nhận xét chung về nghệ thuật lập luận trong toàn văn bản (Mạch ý, mạch lập luận, giọng văn, thể loại, sự kết hợp các phương thức biểu đạt)- Phiếu 9  **Bước 2: HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: GV gọi đại diện các cặp trình bày. HS báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:**  **GV đánh giá, kết luận**  **-** Nhận xét về câu trả lời  - Chốt lại kiến thức trọng tâm (Phiếu 9) | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Đoạn 1. Luận đề chính nghĩa**  **(Phiếu 4 bên dưới)**  **2. Đoạn 2. Sự phi nghĩa của kẻ thù**  **(Phiếu 5 bên dưới)**  **3. Đoạn 3. Sức mạnh quân ta**  **(Phiếu 6 bên dưới)**  **4. Đoạn 4. Tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh**  **(Phiếu 7 bên dưới)**  **5. Đoạn 5. Tuyên bố độc lập**  **(Phiếu 8 bên dưới)**  **6. Nghệ thuật lập luận bài cáo**  **(Phiếu 9 bên dưới)** |

**Phiếu 4 (HSKT)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 1:** Luận đề chính nghĩa (Đoạn 1)  **Câu chủ đề:**  *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*  *Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.* | | |
| **Nội dung:** Trình bày chân lí chính nghĩa của sự nghiệp kháng chiến chống Minh. Chân lí này là cơ sở mang đến niềm tin chiến thắng tất yếu của đội quân nhân nghĩa, “vì thương xót nhân dân mà trừng trị kẻ có tội”. Đoạn văn cũng thể hiện rõ ý thức tự chủ và niềm tự hào dân tộc của tác giả. | | |
| **Thao tác lập luận** | Phân tích, bình luận, chứng minh | |
| **Luận cứ 1** | - Nhân nghĩa là chính nghĩa. | |
| **Luận cứ 2** | - Trừ bạo an dân là chính nghĩa. | |
| **Luận cứ 3** | - Bảo vệ nền độc lập tự chủ (bờ cõi, văn hoá, thể chế riêng,...) là chính nghĩa. | |
| **Luận cứ 4** | - Có anh hùng hào kiệt (người đại diện cho ý thức và khát vọng tự chủ…) là chính nghĩa. | |
| **Luận cứ 5** | - Hành động phi nghĩa chắc chắn phải nhận bại vong | |
|  | **Nghệ thuật lập luận** | - Cách lựa chọn và sử dụng từ ngữ xác thực, có ý nghĩa khẳng định  - Câu văn biền ngẫu sóng đôi thể hiện rõ sự đối sánh Nam – Bắc về nhiều phương diện.  - Dẫn chứng bằng các cứ liệu lịch sử xác thực, để khẳng định, thuyết phục  - Quan niệm toàn diện, sâu sắc của tác giả về một quốc gia dân tộc tự chủ |

**Phiếu 5 (HSKT)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 2:** Sự phi nghĩa của kẻ thù (Đoạn 2) | | |
| **Nội dung:** Vạch trần bản chất gian trá và tội ác tột cùng của kẻ thù phi nghĩa đối với nhân dân ta. | | |
| **Thao tác lập luận** | | Chứng minh, bình luận, |
| **Luận cứ 1** | | - Hành động tội ác của bọn “cuồng Minh” (giặc ngoài) và “gian tà” (thù trong):  + “thừa cơ gây hoạ”,  + “bán nước cầu vinh”,  + “nướng dân đen”,  + “vùi con đỏ”,  + “dối trời lừa dân”,  + “gây binh kết oán”,  + “bại nhân nghĩa”,  + “nặng thuế khoá”,… |
| **Luận cứ 2** | | - Đánh giá về tội ác của kẻ thù. |
|  | **Chức năng** | Lí giải nguyên nhân trực tiếp của sự nghiệp kháng chiến. |
| **Nghệ thuật lập luận** | - Tác giả đã nêu những âm mưu, dã tâm xâm lược, hành động tội ác của giặc Minh: Mượn cớ “phù Trần diệt Hồ”, tàn sát dân chúng, gây binh kết oán, huỷ hoại điều nhân nghĩa, sưu cao thế nặng, chính sách nô dịch – vơ vét,...  - Tội ác kẻ thù được thể hiện bằng nhiều từ ngữ, hình ảnh giàu sức biểu cảm. |

**Phiếu 6(HSKT)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 3:** Sức mạnh quân ta (Đoạn 3) | | |
| **Nội dung:** Nêu bật những khó khăn gian khổ và ý chí quyết tâm của nghĩa quân Lam Sơn, từ phương diện vật chất đến tinh thần; sự đối lập giữa hoàn cảnh thực tế và ý chí kiên cường, giữa tình thế bất lợi,… và sự tự tin vào chiến lược và sách lược đúng đắn của nghĩa quân Lam Sơn. | | |
| **Thao tác lập luận** | | Chứng minh, bình luận |
| **Luận cứ 1** | | - Sự trăn trở, sốt ruột của bậc chủ tướng trước tội ác kẻ thù |
| **Luận cứ 2** | | - Sự phẫn uất, trăn trở về vận nước của chủ tướng |
| **Luận cứ 3** | | - Sự khó khăn, thiếu thốn của nghĩa quân Lam Sơn |
| **Luận cứ 4** | | - Tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ của chủ tướng và nghĩa binh |
| **Nhận xét lập luận** | **Chức năng** | Tập trung lí giải cội nguồn sức mạnh tinh thần làm nên chiến công hiển hách. Tinh thần – khát vọng cứu nước mạnh mẽ, ý chí quyết tâm vượt qua gian khổ của nghĩa quân được tạo nên từ ý thức tự chủ dân tộc và lòng căm thù giặc sâu sắc. Tinh thần – khát vọng ấy dẫn đến sự đồng lòng, đoàn kết của nhân dân. |
| **Nghệ thuật lập luận** | - Những khó khăn gian khổ và ý chí quyết tâm của nghĩa quân Lam Sơn được tác giả tái hiện xác thực, vừa khái quát vừa cụ thể, được khái quát từ góc nhìn của người tổ chức lực lượng kháng chiến, mong muốn xác định được chiến lược và đề ra các sách lược của cuộc kháng chiến. |

**Phiếu 7(HSKT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Luận điểm 4:** Tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đoạn 4) | | | |
| **Nội dung:** Diễn biến chính của cuộc tổng tiến công giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược. Sự thất bại thảm hại của kẻ thù và chiến thắng hào hùng của đội quân nhân nghĩa. | | | |
| **Thao tác lập luận** | | Chứng minh, bình luận, | |
| **Luận cứ 1** | | - Diễn biến chính cuộc kháng chiến | |
| **Luận cứ 2** | | - Kết quả của cuộc kháng chiến | |
| **Luận cứ 3** | | - Khí thế quật cường và chiến công vang dội của nghĩa quân Lam Sơn | |
| **Luận cứ 4** | | - Tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ của chủ tướng và nghĩa binh | |
| **Luận cứ 5** | | - Hình ảnh thất bại nhục nhã của kẻ thù | |
| **Luận cứ 6** | | - Tinh thần nhân nghĩa của quân ta | |
|  | **Nghệ thuật lập luận** | | - Nêu diễn biến cuộc tổng tiến công qua một số sự kiện/ trận đánh tiêu biểu: quy mô rộng lớn, tác chiến dồn dập, khí thế hào hùng.  - Nhấn mạnh khí thế vũ bão quật cường, không sức mạnh nào địch nổi của nghĩa quân Lam Sơn; thế lực càng ngày càng xoay chuyển mạnh mẽ (“gươm mài đá”, “voi uống nước”, “nổi gió to”,…).  - Hình ảnh thất bại thảm hại và sự nhục nhã của kẻ thù được thể hiện, miêu tả một cách sinh động, giàu sức biểu cảm thông qua việc khắc hoạ hình ảnh tướng giặc  - Cảm hứng nhân nghĩa được thể hiện khá rõ nét trong đoạn văn:  - Âm hưởng mạnh mẽ, hào hùng của cuộc kháng chiến được thể hiện đậm nét. |

**Phiếu 8(HSKT)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm 5:** Tuyên bố độc lập (Đoạn 5) | | |
| **Nội dung:** Bố cáo thiên hạ về thắng lợi của cuộc kháng chiến và khẳng định khát vọng về một thời đại mới tự chủ thái bình lâu dài. | | |
| **Thao tác lập luận chính** | | Bình luận |
| **Luận cứ 1** | | - Tuyên bố chiến thắng và mở ra một thời kì mới |
| **Luận cứ 2** | | - Cách “cắt nghĩa” nguyên nhân thắng lợi |
| **Nhận xét lập luận** | **Chức năng** | Tổng kết mạch lập luận của bài văn chính luận. Cách kết thúc theo hướng mở: Tuyên bố độc lập dân tộc nhưng đồng thời khai sinh một triều đại mới với niềm tin tưởng vào vận hội mới. |
| **Nghệ thuật lập luận** | - Các từ biểu thị ý “hiện tại tiếp diễn” được lặp lại (“từ đây [...] từ đây...”) [nguyên văn: vu dĩ... vu dĩ...], xã tắc vững bền [nguyên văn: điện an], giang sơn đổi mới [nguyên văn: cải quan], bốn biển thanh bình, chiếu duy tân [nguyên văn: duy tân chi cáo – ban bố lệnh về sự khởi đầu của một thời đại mới]. |

**Phiếu 9(HSKT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận của tác giả trong toàn tác phẩm** | |
| **Mạch ý** | - Theo diễn tiến của cuộc kháng chiến, từ khó khăn buổi đầu đến chiến công dồn dập và thắng lợi cuối cùng; đan xen với diễn trình đó là việc khắc hoạ chân dung bậc chủ tướng và hình tượng tướng sĩ – nhân dân đồng lòng cứu nước. |
| **Mạch lập luận** | - Mạch lập luận logic khúc chiết, rành mạch, chặt chẽ; chứng cứ và số liệu rõ ràng, biện luận kết hợp biểu cảm,... |
| **Giọng văn** | - Giọng văn lúc biện luận sâu sắc, khi phẫn uất khôn nguôi lúc suy tư trầm lắng, đau xót trước nỗi nhục nô lệ; âm hưởng chung là hùng tráng, mãnh mẽ, dồn dập, cuốn hút … |
| **Thể loại** | - *Bình Ngô đại cáo* được viết theo thể văn biền ngẫu cận thể biến cách, được đánh giá là đỉnh cao của nghệ thuật văn biền ngẫu trong lịch sử văn chương Việt Nam. |
| **Sự kết hợp các phương thức biểu đạt** | + Từ ngữ mang sắc thái biểu cảm:  + Các thành ngữ, tục ngữ, điển  + Hình ảnh biểu cảm, có giá trị đặc  + Câu hỏi tu từ, câu phủ định mang ý nghi vấn, câu cảm thán, các kiểu câu lập luận. |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Xuất hiện** | **Không xuất hiện** |
| **1** | Thể hiện được đúng đủ nội dung |  |  |
| **2** | Cách thể hiện phong phú không đơn điệu |  |  |
| **3** | Thiết kế phần trình bày đẹp,sinh động, hấp dẫn |  |  |
| **4** | Thể hiện được sâu sắc nội dung |  |  |
| **5** | Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn |  |  |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** Nêu yêu cầu:  + *Bình Ngô đại cáo* được đánh giá là một áng hùng văn. Theo em, những căn cứ của đánh giá đó là gì?  + Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS hoàn thành thẻ học tập  - Cặp đôi chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  **-** Nhận xét về câu trả lời  - Chốt lại kiến thức trọng tâm  + “Hùng văn” là áng văn thể hiện khí thế hùng tráng, sức mạnh vô địch của chân lí, có âm hưởng anh hùng ca, thường liên quan đến chiến thắng oanh liệt của cuộc chiến tranh chính nghĩa, liên quan và tác động rộng lớn đến vận mệnh của dân tộc – quốc gia, thể hiện được không khí lịch sử - xã hội và tầm vóc thời đại.  + Căn cứ đánh giá: giá trị nghệ thuật và nội dung của VB   * HSKT nghe giảng | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  *- Bình Ngô đại cáo* được đánh giá là một áng hùng văn. Đó không chỉ là áng văn quan trọng nhất của Nguyễn Trãi và đời Lê, mà còn xứng đáng là tác phẩm bất hủ trong lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc.  - Bình Ngô đại cáo là tác phẩm có giá trị tổng hợp, mang nhiều lớp ý nghĩa: ý nghĩa tuyên ngôn chính trị, ý nghĩa quân sự, ý nghĩa ngoại giao, ý nghĩa lịch sử, giá trị văn hoá – tư tưởng, ý nghĩa nhân văn,…  - Bài cáo đã thể hiện lòng yêu nước; giá trị của ý thức và khát vọng tự chủ dân tộc; niềm tự hào và tinh thần tự tôn dân tộc chân chính;  - Tác phẩm cho thấy tầm vóc tư tưởng và văn tài bao trùm thời đại của Nguyễn Trãi.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ với lí lẽ thuyết phục và minh chứng chân thực sống động  - Giọng điệu biến đổi linh hoạt đánh thức tinh thần tự tôn dân tộc trong mỗi người  - Thể biền ngẫu được sử dụng khéo léo tăng thêm khí thế hào hùng cho bài cáo  - Ngôn ngữ lúc đanh thép, lúc hào hùng,…; các biện pháp tu từ được sử dụng linh hoạt càng tăng thêm sức mạnh biểu hiện  - Yếu tố biểu cảm được thể hiện thành công làm tăng tính hấp dẫn và giá trị văn học của tác phẩm |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu**:

**-** Hiểu và phân tích được một khía cạnh (nội dung hoặc nghệ thuật) trong văn bản

- Biết cách kết nối đọc – viết về một vấn đề

**b. Nội dung**: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**\*Nhiệm vụ :** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) về một trong hai vấn đề sau:

- Mối quan hệ giữa tư tưởng nhân nghĩa và luận đề chính nghĩa thể hiện trong đoạn 1 của văn bản.

- Tinh thần độc lập, ý thức về chủ quyền dân tộc được thể hiện trong “Bình Ngô đại cáo”.

Các vấn đề trên là những nội dung hoặc khía cạnh giá trị của tác phẩm, đã được phân tích hoặc nêu lên trong quá trình dạy học. Cụ thể, nội dung và gợi ý trả lời các câu hỏi 2, 3 đã có đề cập

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS tham khảo nội dung và gợi ý trả lời các câu hỏi 2, 3 để thực hiện việc tìm ý và sắp xếp ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV cho HS viết đoạn văn ở nhà. GV có thể lưu giữ sản phẩm viết của HS để làm tư liệu và nhận xét nhanh về kết quả viết của HS vào các tiết học sau. Chú ý yêu cầu về hình thức của đoạn văn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: **Mối quan hệ giữa tư tưởng nhân nghĩa và luận đề chính nghĩa thể hiện trong đoạn 1 của văn bản.**  Hoặc: **Tinh thần độc lập, ý thức về chủ quyền dân tộc được thể hiện trong “Bình Ngô đại cáo”.** |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp, có sử dụng yếu tố biểu cảm trong đoạn văn nghị luận. |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **5** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Nêu khái quát ý nghĩa của *Bình Ngô đại cáo* đặt trong bối cảnh lịch sử – văn hoá cụ thể của nước ta ở đầu thế kỉ XV.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**\*Nhiệm vụ 2: Bài tập dự án**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án**

* **Yêu cầu:** Tập sưu tầm tư liệu, thuyết trình về *Bình Ngô đại cáo*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

- Thời gian: 01 tuần

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.

- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**Bảng kiểm đánh giá hoạt động vận dụng (bài tập dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức độ** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Sưu tầm đủ số lượng nhưng chưa thật đặc sắc tiêu biểu. |  |  |
| **2** | Sưu tầm đủ số lượng khá tiêu biểu nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu |  |  |
| **3** | Sưu tầm đủ số lượng, đặc sắc, tiêu biểu, hấp dẫn người đọc. |  |  |
| **4** | Thể hiện sản phẩm sinh động, hấp dẫn |  |  |

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Tìm đọc thêm các tác phẩm chính luận khác của Nguyễn Trãi

- **Chuẩn bị bài:** VB3. Bảo kính cảnh giới

**Phủ Lý, ngày 13 tháng 1 năm 2025**

**Tổ trưởng ký duyệt**

**Ngô Thị Hoa**

**Ngày soạn: 19/1/2025**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Tiết: 58,59**

**BẢO KÍNH CẢNH GIỚI (Gương báu răn mình)**

**(BÀI 43)**

**Nguyễn Trãi**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**. (HSKT)**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác. (HSKT)

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc (HSKT)**

***Đọc hiểu nội dung***

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (bài 43) muốn gửi đến người đọc: Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống tươi đẹp nhưng nổi bật hơn cả là nỗi lòng lo nước thương đời của nhà thơ Nguyễn Trãi (HSKT)

- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề;

- Phân tích và đánh giá được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của tác giả thể hiện trong bài thơ.

- Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

***Đọc hiểu hình thức***

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của bài *Bảo kính cảnh giới*: Thơ thất ngôn chen lục ngôn, Ngôn từ, hình ảnh thơ vừa bình dị vừa giàu sức gợi hình, biểu cảm; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa.. mang lại hiệu quả nghệ thuật cao. (HSKT)

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

- Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật.

***Liên hệ, so sánh, kết nối***

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản *Bảo kính cảnh giới.*

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

***Đọc mở rộng***

- Học sinh đọc được một số bài thơ Nôm Đường luật khác.

**2. Phẩm chất (HSKT)**

- Biết rung cảm và tinh tế trước cái đẹp.

**-** Yêu mến và trân trọng, biết ơn những sáng tạo nghệ thuật của cha ông

- Bồi đắp tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, con người, quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, video liên quan, phiếu học tập, bảng KWLH, bảng kiểm đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi xếp hình ảnh, tìm từ ngữ diễn giải hình ảnh có liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**\*Cách 1:**

Ở bài học về tác gia Nguyễn Trãi, chúng ta được biết ở lĩnh vực văn học, Nguyễn Trãi không chỉ là một nhà văn chính luận kiệt xuất mà ông còn là một nhà thơ trữ tình sâu sắc. Em hãy kể tên những tập thơ nổi tiếng của Nguyễn Trãi? Những tập thơ đó thể hiện những vẻ đẹp gì trong tâm hồn Nguyễn Trãi?

**\* Cách 2:**

GV trình chiếu cảnh vật bốn mùa và hỏi HS:

+ Trong 4 mùa, em yêu thích mùa nào nhất?

+ Nhắc đến mùa hè, thường gợi cho em những hình ảnh đặc trưng nào?

**Sản phẩm:**

**Cách 1:**

* Các tập thơ chính của Nguyễn Trãi:

+ *Ức Trai thi tập* (viết bằng chữ Hán)

*+ Quốc âm thi tập* (viết bằng chữ Nôm)

- Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua thơ: Nguyễn Trãi hiện lên vừa là một bậc anh hùng với lí tưởng cao cả, vừa là một con người trần thế với tình yêu dành nhiều cho thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc sống.

**Cách 2**: HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Lớp chia làm 2 đội thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS thực hiện trò chơi

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:** Nguyễn Trãi luôn cho rằng trách nhiệm của nhà cầm quyền là phải nuôi dân, chăn dân, huệ dân, làm cho dân nhanh chóng thoát khỏi đau khổ bởi sự áp bức bóc lột của bọn ngoại bang xâm lược, bởi sự tàn phá điêu thương của chiến tranh khốc liệt. Hơn ai hết, ông thấu hiểu nỗi đau khổ của người dân vì chính ông đã từng trải qua nỗi đau li tán, trải qua những lận đận, gian truân mà quân thù gây ra. Điều làm ông xúc động nhất là cảnh đói cơm, rách áo của người dân. Ông cho rằng việc cấp bách nhất là phải làm sao cho dân không đói, không rách, trên cơ sở đó đưa dân đến với lễ nghĩa, đến với nếp sống có trật tự, kỷ cương. Những hoàn cảnh khác nhau cho chúng ta thấy những con người khác nhau trong cùng một Nguyễn Trãi vĩ đại. Nhưng dù thế nào thì chữ dân vẫn luôn canh cánh trong ông

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về Thơ Nôm Đường luật**

**a. Mục tiêu**: Hiểu được khái niệm, đặc điểm riêng biệt, ý nghĩa, thành tựu nổi bật và hình thức của Thơ Nôm Đường luật để đọc hiểu bài thơ Bảo kính cảnh giới (bài 43) của Nguyễn Trãi.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút, chia sẻ nhóm để tìm hiểu về Thơ Nôm Đường luật.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu học tập 01: Tìm hiểu về Thơ Nôm Đường luật (HS đã chuẩn bị ở nhà)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thơ Nôm Đường luật** | 1. Khái niệm | ................................ |
| 2. Đặc điểm riêng biệt | ................................. |
| 3. Ý nghĩa | ................................. |
| 4. Thành tựu nổi bật ban đầu | ................................ |
| 5. Nhận xét | ................................ |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS đọc một bài Thơ Nôm Đường luật mà em biết.  - HS chia sẻ những hiểu biết về Thơ Nôm Đường luật dựa vào kiến thức SGK tr.23 và đã tìm hiểu ở nhà.  - Em có những nhận xét ban đầu gì về Thơ Nôm Đường luật?  - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành Phiếu học tập 01. Tìm hiểu Thơ Nôm Đường luật  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - HS thảo luận cặp đôi nội dung PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung về Thơ Nôm Đường luật**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thơ Nôm Đường luật** | 1. Khái niệm | Là loại thơ được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XIII | | 2. Đặc điểm riêng biệt | - Sáng tạo dựa trên mô hình của thơ Đường luật  - Có nhiều cách tân về đề tài, thi liệu, cảm hứng, bút pháp, ngôn ngữ thơ | | 3. Ý nghĩa | - Đạt được những thành tựu lớn  - Góp phần quan trọng tạo nên diện mạo của nền thơ trung đại Việt Nam | | 4. Thành tựu nổi bật ban đầu | *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi | | 5. Nhận xét | Là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chữ Nôm và yếu tố Đường luật. | |

**Hoạt động 2.2. Đọc - tìm hiểu chung về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* và tác phẩm**

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được những kiến thức cơ bản về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* để biết đọc hiểu văn bản *Bảo kính giới* (bài 43).

- HS biết cách đọc văn bản và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày đã chuẩn bị về chùm thơ, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân và nhóm tìm hiểu chung về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* và tác phẩm

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu học tập số 02: Tìm hiểu về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới (HSKT)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Xuất xứ** |  |
| **Nhan đề** |  |
| **Số lượng** |  |
| **Nội dung** |  |
| **Ý nghĩa** |  |

**Phiếu học tập số 03: Tìm hiểu chung về bài thơ *Bảo kính cảnh giới* số 43**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Thơ Nôm Đường luật** | |
| **Thơ Đường luật** | ***Bảo kính cảnh giới* số 43** |
| - Về số lượng câu thơ:  - Về luật thơ:  - Về niêm:  - Về đối:  - Về vần: | |
|  |  |
| **Bố cục** |  |  |
| **Nội dung khái quát** |  | |
| **Nhân vật trữ tình** |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*TT 1: Tìm hiểu về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 02:** Tìm hiểu chung về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới*  - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ thực hành phiếu học tập số 02 theo cặp đôi  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức.  **\*TT2: Đọc và tìm hiểu chung về bài thơ *Bảo kính cảnh giới* số 43**  **GV hướng dẫn HS đọc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: đọc với giọng linh hoạt khi trong trẻo, thuần khiết; lúc chậm rãi, nhẹ nhàng, trầm tĩnh. Chú ý các câu lục, nhấn vào các động từ, tính từ, từ láy, ngắt giữa các câu hoặc chuyển ý từ hình ảnh này sang hình ảnh khác...  - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá kĩ năng đọc:  - Gọi 1 – 2 HS đọc và giải thích từ khó  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá kĩ năng đọc diễn cảm (bên dưới).  **Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu từ khó trong văn bản.  + Đọc diễn cảm (khuyến khích HS ngâm thơ)  + Chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  + Tìm hiểu chú thích SGK  + Hướng dẫn HS nghe đọc mẫu (GV đọc, hoặc nghe đọc mẫu hoặc ngâm thơ trên Youtube).  **GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 03:** Tìm hiểu chung về bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (bài 43)  - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**   * - HS thảo luận cặp đôi nội dung **PHT số 03** * - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức. | **II. Đọc - tìm hiểu chung về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* và tác phẩm**  **1. Tìm hiểu chùm thơ *Bảo kính cảnh giới (HSKT)***   |  |  | | --- | --- | | **Xuất xứ** | Trong tập *Quốc âm thi tập* (254 bài) | | **Nhan đề** | *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu răn mình) | | **Số lượng** | 61 bài | | **Nội dung** | - Nội dung giáo huấn  - Trăn trở, suy tư về thế sự  - Khoảnh khắc thư nhàn khi tác giả lánh xa chốn quan trường, hòa mình với thiên nhiên và nhịp sống bình dị, bình yên nơi thôn dã | | **Ý nghĩa** | - Thể hiện tư tưởng, nhân cách của bậc lương thần chưa bao giờ nguôi nỗi lo dân, nước  - Phản chiếu vẻ đẹp phong phú của một tâm hồn nghệ sĩ |   **2. Đọc và tìm hiểu chung về tác phẩm**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Chú thích (SGK)  **b. Tìm hiểu chung về bài thơ *Bảo kính cảnh giới* số 43**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thể loại** | **Thơ Nôm Đường luật** | | | **Thơ Đường luật** | ***Bảo kính cảnh giới* số 43** | | - Về số lượng câu thơ: 8 câu  - Về luật thơ: luật trắc (chữ thứ hai câu đầu thanh trắc).  - Về niêm: bảo đảm luật về niêm (chữ thứ hai các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 cùng thanh điệu).  - Về đối: bốn câu giữa bài thơ theo đúng quy định của luật đối ngẫu (các câu 3 và 4, 5 và 6 đối nhau).  - Về vần: vần bằng và đều đặt ở vị trí cuối cùng của các câu 1, 2, 4, 6, 8 (vần chân - vần ở cuối câu thơ). | | | - Toàn bài đều là câu 7 chữ (thất ngôn).  - Câu 7 chữ ngắt nhịp 4/3. | - Đan xen câu 6 chữ (lục ngôn): các câu 1 và 8 là câu thơ sáu chữ.  - Có những câu 7 chữ ngắt theo nhịp 3/4 | | **Bố cục** | - Một vài mô hình kết cấu của thể thơ Đường luật:  + 2/2/2/2;  + 4/4;  + 6/2. | + Sáu dòng đầu miêu tả bức tranh cuộc sống.  + Hai dòng cuối thể hiện tâm tư, ước nguyện của nhà thơ. | | **Nội dung khái quát** | Tình yêu thiên nhiên và nỗi lòng lo nước thương đời | | | **Nhân vật trữ tình** | Tác giả | | |

**Bảng kiểm kĩ năng đọc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí | Đạt/ Chưa đạt |
| 1 | Đảm bảo đọc đúng chính tả |  |
| 2 | Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được xúc cảm, tâm tư nhà thơ. |  |
| 3 | Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện sâu sắc xúc cảm, tâm tư nhà thơ. |  |
| 4 | Ngâm thơ giúp người nghe như sống trong thế giới thơ ca |  |
| 5 | Phổ nhạc, phối khí đem lại sức sống mới lạ cho bài thơ |  |

**Hoạt động 2.3: Đọc hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản

**b. Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu học tập số 4: Vẻ đẹp bài thơ Bảo kính cảnh giới (bài 43)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, âm thanh, biện pháp tu từ, nhịp điệu,..** | **Nhận xét** |
| **Câu 1** |  |  |  |
| **Câu 2, 3,4** |  |  |  |
| **Câu 5, 6** |  |  |  |
| **Câu 7, 8** |  |  |  |
| **Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả** |  | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 4**  - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới)  - GV gợi ý một số hình thức thảo luận để HS tự chọn và thực hiện nhiệm vụ  **Chẳng hạn:**  - Tổ chức tọa đàm: Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo  - Tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ thơ: Yêu thơ Ức Trai  - Thiết kế trò chơi để hình thành kiến thức qua hệ thống câu hỏi  **GV tư vấn bộ câu hỏi để giúp HS trao đổi:**  **1.** *Bảo kính cảnh giới* (bài 43) khác gì so với một bài thơ Đường luật thông thường về đề tài, bố cục, niêm - luật, ngôn từ, hình ảnh?  **2.** Tại sao lại có sự khác biệt đó?  **3.** Câu thơ mở đầu cho biết điều gì về cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình?  **3.** Tác giả sử dụng từ ngữ, chi tiết, hình ảnh, âm thanh nào để miêu tả cảnh sắc mùa hè. Chỉ ra những nét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả.?  **4.** Cuộc sống của con người được nhà thơ tái hiện qua những âm thanh, hình ảnh nào? Tìm mối liên hệ giữa khung cảnh ấy với ước nguyện của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối.?  **5.** Câu thơ lục ngôn thứ nhất mở đầu bài thơ có tác dụng nhấn mạnh điều gì trong cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình? Câu lục ngôn kết thúc bài thơ có ý nghĩa gì? Nhận xét về vị trí và giá trị của các câu lục ngôn trong bài thơ.  **6.** Đọc bài thơ, bạn cảm nhận được điều gì vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trên phiếu của mình  - Mỗi nhóm thảo luận tìm cách thể hiện kiến thức  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày nội dung kiến thức đã thảo luận (thuyết trình đơn, thuyết trình đôi, tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ yêu thơ, tổ chức trò chơi, tổ chức tọa đàm mà khách mời sẽ là những nhân vật trong thời đại của bài thơ, những nhà nghiên cứu, phê bình,... (do HS đóng vai, tham khảo tư vấn từ GV),...)  - HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức bằng phiếu học tập số 4 hoàn chỉnh. | **III. Đọc – hiểu chi tiết văn bản**  **- Sản phẩm của các nhóm**  **- Phiếu học tập số 4**  **(bên dưới)** |

**Phiếu học tập số 4: Vẻ đẹp bài thơ Bảo kính cảnh giới (bài 43) (HSKT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, âm thanh, biện pháp tu từ, nhịp điệu,..** | **Nhận xét** |
| **Câu 1** | Hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi trong những ngày về ở ẩn | - Bài thơ bắt đầu bằng một câu lục ngôn  + “Rồi”: rảnh rỗi, nhàn hạ  + “Ngày trường”: Ngày dài  + Hóng mát: Hoạt động an nhàn, tĩnh tại, thư thái  + Nhịp 1/2/3: Tạo cảm giác về sự thảnh thơi không tự nhiên, có phần bất đắc dĩ | =>Tâm thế an nhàn, thảnh thơi của tác giả. |
| **Câu 2, 3,4** | Bức tranh thiên nhiên rực rỡ, sống động | - Các từ ngữ miêu tả màu sắc: “lục”, “đỏ”, “hồng”;  - Âm thanh: tiếng ve (“dắng dỏi”)  - Hình ảnh:  + Cây hoè  + Hình ảnh hoa lựu  + Hình ảnh ao sen | => Gợi nên bức tranh thiên nhiên tươi sáng, tràn đầy sức sống.  => Cách nhìn, cách cảm nhận thiên nhiên độc đáo:  => Cách miêu tả tinh tế, sinh động  ⇒ Thể hiện tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên của của Nguyễn Trãi. |
| **Câu 5, 6** | Vẻ đẹp bức tranh cuộc sống con người | - Nguyễn Trãi dùng nhiều từ Hán Việt  - Cuộc sống được cảm nhận bằng âm thanh  - Từ láy: “đùn đùn”, “lao xao”, “dắng dỏi”…-> từ láy tượng thanh “lao xao” – âm thanh của những phiên chợ cá, “dắng dỏi” | => Âm thanh của phiên chợ cá nơi làng chài, tiếng ve vang lên rộn rã  => Cả thiên nhiên và con người đều hiện lên tràn đầy sức sống  => Tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trãi hòa vào thiên nhiên, vào cuộc sống bằng tất cả tình yêu tha thiết |
| **Câu 7, 8** | Tình yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi | - “Lẽ” là từ cổ nghĩa là mong được có  - “Ngu cầm” là cây đàn của vua Nghiêu vua Thuấn.  - Mối liên hệ giữa bức tranh cuộc sống thanh bình với ước nguyện của nhà thơ. | => ước muốn có được cây đàn để ca ngợi khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và cuộc sống vui tươi |
| **Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả** | - Tâm hồn tinh tế, rộng mở, tràn đầy sức sống; nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.  - Tư tưởng yêu nước, thương dân thường trực trong con người Nguyễn Trãi; | | |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Xuất hiện** | **Không xuất hiện** |
| **1** | Thể hiện được đúng đủ nội dung |  |  |
| **2** | Cách thể hiện phong phú không đơn điệu |  |  |
| **3** | Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn |  |  |
| **4** | Thể hiện được sâu sắc nội dung |  |  |
| **5** | Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn |  |  |

**Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của “Bảo kính cảnh giới” (bài 43)?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **HS:** Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Cá nhân chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức, rút ra kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ Nôm Đường luật.  HSKT theo dõi, nghe giảng | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:** Tâm hồn Nguyễn Trãi chan chứa tình yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu nhân dân, đất nước, đặc biệt là tấm lòng ái nước, thương dân của ông.  **2. Nghệ thuật:**  - Giọng điệu trữ tình, sâu lắng, bút pháp tả sinh động  - Thể thơ sáng tạo thất ngôn xen lục ngôn  - Ngôn ngữ thơ phong phú, đa dạng vừa có lớp từ Hán Việt vừa có lớp từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa trang trọng vừa bình dị  - Sử dụng các điển tích, điển cố  **3. Lưu ý khi đọc hiểu Thơ Nôm Đường luật:**  ***Đọc hiểu nội dung***  - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc;  - Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề;  - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện qua văn bản;  - Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.  ***Đọc hiểu hình thức***  - Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của văn bản: Ngôn từ, hình ảnh thơ; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa...  - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong bài thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình). |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (HSKT)**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố “phá cách“ trong bài *Bảo kính cảnh giới* bài 43.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV nên dành khoảng 7 – 10 phút cuối của giờ học cho HS viết.

- GV gợi ý HS dựa vào kết quả của các hoạt động sau khi đọc để chọn một yếu tố“phá cách” (cách cảm nhận thiên nhiên, bút pháp tả cảnh, chi tiết miêu tả cuộc sống đời thường nơi làng chài, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, câu thơ sáu tiếng,…).

- GV có thể cho HS trình bày một vài sản phẩm viết và nêu nhận xét.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: **phân tích một yếu tố “phá cách“ trong bài *Bảo kính cảnh giới* bài 43**. |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp. |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **5** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: HS làm việc nhóm thực hiện bài tập dự án.

**c. Sản phẩm**: Bài tập dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Nhiệm vụ:** HS dựa trên bài thơ “Bảo kính cảnh giới” bài 43 cùng những hiểu biết về cuộc đời Nguyễn Trãi, làm rõ tâm tư của ông qua một hoạt cảnh

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập

- GV khích lệ, giúp đỡ.

- Thời gian: 01 tuần

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**Rubric thiết kế kịch bản và diễn xuất (hoạt cảnh)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) dựa vào nội dung văn bản.  (10 điểm) | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt.  ( 5 – 6 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu.  (7 – 8 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (9 - 10 điểm) |

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Tìm đọc thêm các tác phẩm Thơ Nôm Đường luật

- Chuẩn bị bài: Văn bản 4. *Dục Thúy Sơn*

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 4**

**Tiết: 60 DỤC THÚY SƠN**

**(BÀI 43)**

**Nguyễn Trãi**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. (HSKT)

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. (HSKT)

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

***Đọc hiểu nội dung***

- HS vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu một tác phẩm thơ chữ Hán, thể ngũ ngôn của Nguyễn Trãi.

***Đọc hiểu hình thức***

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của thể ngũ ngôn

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

***Liên hệ, so sánh, kết nối***

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản *Dục Thúy sơn*

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

***Đọc mở rộng***

- Học sinh đọc được một số bài thơ ngũ ngôn trung đại khác.

**2. Phẩm chất (HSKT)**

- HS thể hiện được lòng kính trọng, biết ơn và tinh thần học tập những nhân vật kiệt xuất

đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, tư liệu, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem video clip, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV hướng dẫn HS xem Clip không lời về Dục Thúy Sơn (2 đội chơi xem xong Clip sau đó có 3 phút để viết ra các miếng dán những từ ngữ miêu tả, đánh giá hoặc những lời bình về cảnh đẹp Dục Thúy sơn)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Lớp chia làm 2 đội thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS thực hiện trò chơi

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

🡺GV dẫn vào bài:

Trong những năm tháng “bình Ngô“, Nguyễn Trãi đã từng mang gươm đi khắp mọi miền đất nước, sau này, đất nước thanh bình, ông lại mang bầu rượu túi thơ đi thăm cảnh núi sông tráng lệ. Riêng Dục Thuý Sơn đã nhiều lần in dấu ấn nhà thơ. Bởi nơi đây luôn mời gọi:

“Ai về qua đất Ninh Bình

Mà xem phong cảnh hữu tình nên thơ

Nước non, non nước như mơ

Càng nhìn Dục Thúy càng ngơ ngẩn lòng”...

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Đọc - tìm hiểu chung về tác phẩm**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết cách đọc văn bản và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.

- HS hiểu hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, thể thơ, kết cấu bài thơ để đọc hiểu đúng đặc trưng thể loại.

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân và nhóm tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu học tập số 01: Tìm hiểu chung về đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi và núi Dục Thúy**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi | Một số danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi |  |
| Ý nghĩa |  |
| Núi Dục Thúy | Xuất xứ |  |
| Ý nghĩa với đời sống tinh thần người Việt |  |

**Phiếu học tập số 02: Tìm hiểu chung về bài thơ *Dục Thúy sơn***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thời điểm sáng tác | |  |
| Xuất xứ | |  |
| Thể thơ | |  |
| Kết cấu | Một số tiêu chí chung xác định mô hình kết cấu của bài thơ Đường luật bát cú: |  |
| Mô hình kết cấu cơ bản của một bài thơ viết theo thể Đường luật (bát cú) |  |
| Mô hình kết cấu “Dục Thuý sơn” |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Tìm hiểu chung về đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ  Nguyễn Trãi và núi Dục Thúy**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 01**  - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS hoàn thành phiếu học tập  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức.  **\* Đọc và tìm hiểu chung về bài thơ *Dục Thuý sơn***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: đọc với giọng linh hoạt khi trong trẻo, thuần khiết; lúc trầm lắng, suy tư.  - Chú ý các cặp câu đối, nhấn vào các động từ, tính từ, ngắt giữa các câu hoặc chuyển ý từ hình ảnh này sang hình ảnh khác...  - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá kĩ năng đọc (bên dưới)  - Gọi 1 – 2 HS đọc và giải thích từ khó  - GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 02**  - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đọc phần nguyên văn (phiên âm), chỉ định HS đọc thành tiếng bản dịch nghĩa và bản dịch thơ, nhắc các em chú ý đến cách đọc thơ ngũ ngôn luật, có đối, chú ý những cước chú và nội dung thẻ chỉ dẫn.  **-** HS hoàn thành phiếu học tập  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản theo yêu cầu.  - HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá kĩ năng đọc diễn cảm (bên dưới).  - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp về **phiếu số 02**  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu từ khó trong văn bản.  + Đọc diễn cảm (khuyến khích HS ngâm thơ)  + Chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  - GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tìm hiểu chung về đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi và núi Dục Thúy**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi | Một số danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi | Côn Sơn, Bạch Đằng, Vân Đồn, Thần Phù | | Ý nghĩa | - Khám phá, ca ngợi núi sông đất Việt  - Bộc lộ tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn  - Gửi gắm suy tư, triết lí về lịch sử, thế sự | | Núi Dục Thúy | Xuất xứ | - Tên gọi núi Non nước – Ninh Bình  - Tên Dục Thúy do Trương Hán siêu đặt vì dáng núi giống con chim trả đang tắm | | Ý nghĩa với đời sống tinh thần người Việt | Được mệnh danh là núi thơ vì khơi nguồn cảm hứng cho nhiều thi nhân |   **2. Đọc - tìm hiểu chung về tác phẩm**  **a. Đọc và giải thích từ khó**  **b. Tìm hiểu chung về bài thơ *Dục Thúy sơn (HSKT)***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thời điểm sáng tác | | Sau kháng chiến chống giặc Minh và trước khi Nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn | | Xuất xứ | | Trong tập *Ức Trai thi tập* | | Thể thơ | | Thể ngũ ngôn thi luật (ngũ luật) – một thể của Đường luật | |  | Bố cục | + Xét về nội dung và cảm hứng: 6/2. (6 câu đầu thiên về tả cảnh, bức tranh núi Dục Thuý; 2 câu kết thể hiện cảm xúc hoài niệm của tác giả)  + Xét về mô hình cấu trúc: đề – thực – luận – kết: | |

**Bảng kiểm kĩ năng đọc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí | Đạt/ Chưa đạt |
| 1 | Đảm bảo đọc đúng chính tả |  |
| 2 | Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được xúc cảm, tâm tư nhà thơ. |  |
| 3 | Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện sâu sắc xúc cảm, tâm tư nhà thơ. |  |
| 4 | Ngâm thơ giúp người nghe như sống trong thế giới thơ ca |  |
| 5 | Phổ nhạc, phối khí đem lại sức sống mới lạ cho bài thơ |  |

**Hoạt động 2.2: Hướng dẫn học sinh đọc hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản

**b. Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu học tập số 3: Vẻ đẹp bài thơ “Dục Thúy sơn”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp tu từ, nhịp điệu, đề tài,...** | **Nhận xét** |
| **Câu 1,2,3,4** |  |  |  |
| **Câu 5, 6** |  |  |  |
| **Câu 7, 8** |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thực hiện **phiếu học tập số 3**  - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới)  - GV gợi ý một số hình thức thảo luận để HS tự chọn và thực hiện nhiệm vụ  **Chẳng hạn:**  - Tổ chức tọa đàm: Nguyễn Trãi với đề tài đăng sơn  - Tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ thơ: Yêu thơ Ức Trai  - Thiết kế trò chơi để hình thành kiến thức qua hệ thống câu hỏi  **GV tư vấn bộ câu hỏi để** HS thực hiện chương trình:  (Thành phần tham gia: MC, Nguyễn Trãi, màn hình: cảnh Dục Thúy)- do HS nhập vai  **1.** Thưa quan Thừa chỉ, nơi đây là Dục Thúy, ngài đã từng qua chưa ạ?  **2.** Ngài cảm nhận chung về Dục Thúy như thế nào ạ?  **3.** Viết về Dục Thúy ngài thấy nơi đây như *Liên hoa phù thủy thượng/Tiên cảnh trụy trần gian* Tại sao ngài lại cảm nhận như vậy? Do hình ảnh tạo vật gợi lên hay do cảm thức về tôn giáo đánh thức những ngôn từ đó?  **4.** Thưa quan Thừa chỉ, quả là Dục Thúy rất đẹp. Nhìn Dục Thúy ngài đã có liên tưởng gì khi viết Tháp ảnh trâm thanh ngọc/Ba quang kính thúy hoàn?  **5.** Thực sự là ngài đã rất cảm thán trước áng thơ của Trương Thiếu bảo? Ngài có thể chia sẻ một vài xúc cảm?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trên phiếu của mình  - Mỗi nhóm thảo luận tìm cách thể hiện kiến thức  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày nội dung kiến thức đã thảo luận (thuyết trình đơn, thuyết trình đôi, tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ yêu thơ, tổ chức trò chơi (tham khảo tư vấn từ GV), tổ chức tọa đàm,...)  - HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV lưu ý HS cách xưng hô cho phù hợp với thời thế  Chẳng hạn sau khi MC phỏng vấn Nguyễn Trãi (Quan Thừa chỉ):  **MC:** Xin cảm ơn quan Thừa chỉ đã chia sẻ những rung cảm riêng mình trước Dục Thúy sơn  - GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức bằng phiếu học tập số 3 hoàn chỉnh. | **II. Đọc – hiểu chi tiết**  **Sản phẩm của các nhóm**  **(Phiếu học tập số 3 bên dưới)** |

**Phiếu học tập số 3: Vẻ đẹp bài thơ “Dục Thúy sơn” (HSKT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp tu từ, nhịp điệu, đề tài,...** | **Nhận xét** |
| **Câu 1,2,3,4** | Bức tranh toàn cảnh núi Dục Thúy | - Vị trí danh thắng: Nơi cửa biển  - Điểm nhìn xa, có tầm bao quát rộng.  - Núi Dục Thuý được tác giả ví như đoá sen nổi trên mặt nước, hình ảnh và bút pháp mới lạ, độc đáo.  - Ngôn từ được sử dụng tinh xác, tạo ấn tượng: | => Cảnh được nhìn bao quát, vừa sống động vừa thoát tục như chốn thần tiên |
| **Câu 5, 6** | Những vẻ đẹp độc đáo của Dục Thúy | - Dấu ấn riêng của tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện rõ nhất qua những liên tưởng xuất hiện ở cái nhìn cận cảnh (hai câu 5 – 6).  - Các chi tiết đặc sắc:  +“Bóng” là hình ảnh phản chiếu của sự vật.  “trâm ngọc xanh”  + “Thuý hoàn”  => So sánh bóng tháp hiện trên mặt nước như chiếc trâm ngọc xanh; ánh sáng sóng nước như đang soi chiếu mái tóc biếc. | => Trâm ngọc xanh và mái tóc biếc gợi hình ảnh trẻ trung, trong sáng, trữ tình, nên thơ -> bút pháp mới mẻ của Nguyễn Trãi.  => Một liên tưởng hết sức hợp lí nhưng cũng hết sức bất ngờ. |
| **Câu 7, 8** | Tâm tư của nhà thơ | - Đề tài “đăng cao”, “đăng sơn”: | => Cảnh vật còn đây, bia đá còn đây nhưng nét chữ đang mờ dần bởi rêu phủ và Trương Thiếu Bảo không còn. Nguyễn Trãi buồn, xót xa, ngậm ngùi. |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Xuất hiện** | **Không xuất hiện** |
| **1** | Thể hiện được đúng đủ nội dung |  |  |
| **2** | Cách thể hiện phong phú không đơn điệu |  |  |
| **3** | Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn |  |  |
| **4** | Thể hiện được sâu sắc nội dung |  |  |
| **5** | Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn |  |  |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của *Dục Thúy sơn*?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Cá nhân chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.  (HSKT) | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  Bài thơ vẽ ra bức tranh sơn thủy nơi núi Dục Thúy đẹp tựa cảnh tiên rơi cõi tục. Bài thơ vừa là niềm say mê với thiên nhiên, vừa gợi nỗi lòng cảm hoài của Nguyễn Trãi khi nghĩ về Trương Hán Siêu – một nhà thơ có những bài kí gắn liền với núi Dục Thúy.  **2. Nghệ thuật:**  - Tả cảnh ngụ tình  - Hình ảnh thơ mĩ lệ  - Hình ảnh ẩn dụ sóng đôi nhau |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (HSKT)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một nét đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ *Dục Thuý sơn*.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

- Thông qua bài học, HS tự khái quát và cảm nhận về đời sống tâm hồn phong phú của Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ. Các khía cạnh cụ thể của đời sống tâm hồn ấy đều là những biểu hiện của “nét đẹp tâm hồn” nhà thơ.

- GV có thể cho HS viết đoạn văn ở nhà (nếu không đủ thời gian), nhận xét nhanh về kết quả viết của HS vào các tiết học sau. Chú ý yêu cầu về hình thức của đoạn văn. GV cũng có thể từ vấn đề trên để cấu trúc lại thành một câu hỏi trong đề thi, đề kiểm tra quá trình.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: **phân tích một nét đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi được thể hiện trong bài thơ *Dục Thuý sơn*.** |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp. |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **5** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình (nếu có).

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: HS làm việc nhóm thực hiện bài tập dự án.

**c. Sản phẩm**: Bài tập dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Nhiệm vụ:** HS dựa trên bài thơ “Dục Thúy sơn” và những trải nghiệm trên tranh ảnh hoặc

ngoài thực tế, vẽ lại cảnh Dục Thúy sơn, làm thơ hoặc phổ nhạc

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**Rubric sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Sáng tác một tác phẩm nghệ thuật (thơ, họa, nhạc) dựa vào nội dung văn bản.  (10 điểm) | Tác phẩm nghệ thuật đúng thể loại, đúng chủ đề  ( 5 – 6 điểm) | Tác phẩm nghệ thuật đúng thể loại, đúng chủ đề nhưng chưa hấp dẫn (màu sắc chưa thực sự hài hòa, bố cục chưa cân xứng; câu chữ chưa trau chuốt, các nốt chưa hài hòa, giai điệu chưa cuốn hút)  (7 – 8 điểm) | Tác phẩm nghệ thuật thể hiện sáng tạo về thể loại, khám phá về chủ đề, hấp dẫn, cuốn hút, mang lại cảm xúc cho người xem (màu sắc thực sự hài hòa, bố cục cân xứng; câu chữ trau chuốt, các nốt hài hòa, giai điệu cuốn hút)  (9 - 10 điểm) |

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học

- Tìm đọc thêm các tác phẩm thơ về cảnh trí non sông đất nước

- Chuẩn bị bài: Thực hành đọc “Ngôn chí” và “Bạch Đằng hải khẩu”

**THỰC HÀNH ĐỌC**

**Tiết: 61 (1/2) NGÔN CHÍ**

**(BÀI 3) Nguyễn Trãi**

**I. MỤC TIÊU**

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà bài thơ *Ngôn chí* (bài 3) muốn gửi đến người đọc: Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên nơi thôn quê thuần khiết với tư thế an nhàn thảnh thơi của một ẩn sĩ.

**II. GỢI Ý**

**Vẻ đẹp bài thơ “Ngôn chí” (Bài 3) (HSKT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp tu từ, nhịp điệu** | **Nhận xét** |
| **2 câu đề** | Chốn ở | - Không gian: am trúc hiên mai, cõi yên hà  - Thời gian: ngày tháng qua => Thời gian trôi trong thầm lặng và vận hành theo quy luật => Con người bình thản trước sự trôi chảy của thời gian  - Chuyện thế sự: Thị phi nào đến cõi yên hà => Sử dụng một câu phủ định nhưng chính là để khẳng định tâm thế vô ưu trước thế sự, mặc kệ cho chuyện đời , mặc kệ cho thị phi ngoài kia | => Nhân vật trữ tình thể hiện sự lựa chọn của bản thân về chốn ở của mình: đó là một thế giới riêng, một không gian riêng nơi thời gian vẫn chảy trôi bình lặng, nơi thiên nhiên thanh bình yên ả, nơi tâm thế luôn thảnh thơi, vô tư lự |
| **2 câu thực** | Ăn mặc | - Ăn uống: dưa muối  - Trang phục: không cần gấm là | =>Nhân vật trữ tình đã thể hiện những nhu cầu vật chất tối thiểu của bản thân: ăn uống đạm bạc thanh sơ, áo quần không cần cao sang đài các => Ông đã chọn cho mình lối sống thanh bần, tối giản |
| **2 câu luận** | Công việc hàng ngày | |  |  | | --- | --- | | Công việc | Mục đích | | giữ nước ao trong | để bóng trăng chiếu xuống cho đẹp mà thưởng ngoạn | | cày đất ải nơi đầu ngõ | Để ương hoa ngắm mỗi ngày | | => Nhân vật trữ tình nâng niu săn sóc và làm đẹp thế giới tự nhiên quanh mình và giữa thiên nhiên, tâm hồn bậc tao nhân mặc khách đó cũng trở nên tươi mới và đẹp đẽ hơn  => Nhà thơ chọn lối sống gắn bó, hoà mình cùng thiên nhiên, coi thiên nhiên là nơi di dưỡng tâm hồn. Ông yêu mến, trân trọng và vun đắp từng mầm sống nhỏ |
| **2 câu kết** | Rung cảm hồn thơ | - Bối cảnh: Trong đêm tuyết, cảm hứng chợt đến  - Hoạt động tâm hồn: Xuất thần ra thơ -> tự ngâm câu thơ của mình  -> tiếng thơ ngân trong đêm | => Nhân vật trữ tình yêu mến, đắm say trước cảnh vật thiên nhiên. Những rung cảm ấy trào dâng thành nguồn cảm hứng mãnh liệt và cuối cùng đã bật ra thành những câu thơ tuyệt bút  => Hành động ngâm thơ đã cho thấy sự mãn nguyện, hài lòng với cuộc sống thanh bần mà ông đã lựa chọn |
| **Vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn của tác giả** | -Tâm hồn tinh tế, rộng mở, tràn đầy sức sống; nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.  - Lối sống thanh bạch với nhu cầu vật chất tối thiểu để giữ trọn khí tiết thanh cao | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của bài thơ “Ngôn chí” (Bài 3)?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **HS:** Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Cá nhân chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức | **1. Giá trị nội dung:**  - Khung cảnh thiên nhiên nơi thôn dã đơn sơ, giản dị mà êm ả, thanh bình  - Tư thế nhàn nhã, thanh thản, lối sống thanh bạch, thuần hậu để giữ trọn tâm hồn cao khiết  **2. Giá trị nghệ thuật:**  - Câu thơ sáu chữ xen giữa các câu thơ bảy chữ, đặt ở dòng thứ ba, tư.  - Sự kết hợp các các hình ảnh thơ giản dị, gần gũi, mang đậm hơi thở của cuộc sống và những hình ảnh thơ tinh mĩ, ước lệ, thể hiện tâm hồn của thi sĩ.  - Ngôn ngữ dân dã, mang giọng điệu của lời ăn tiếng nói hàng ngày trong dân gian (cơm ăn dầu có dưa muối). |

**THỰC HÀNH ĐỌC**

**Tiết 61 (1/2) BẠCH ĐẰNG HẢI KHẨU**

**(Cửa biển Bạch Đằng) Nguyễn Trãi**

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của bài *Bạch Đằng hải khẩu*: Bài thơ chữ Hán làm theo thể thất ngôn Đường luật với đề tài quen thuộc ghi dấu nhiều chiến công, thi liệu thực, gợi được những cảm xúc sâu lắng trước lịch sử trước thế sự

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

**III. HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU VĂN BẢN**

**1.Tìm hiểu chung bài thơ “Bạch Đằng hải khẩu”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | Thơ thất ngôn bát cú Đường luật chữ Hán |
| **Bố cục** | 4 phần:  - 2 câu đề: Cảm hứng thơ được gợi từ quang cảnh hùng vĩ nơi cửa biển Bạch Đằng  - 2 câu thực: Mô tả chi tiết địa thế hiểm trở nơi của Bạch Đằng  - 2 câu luận: Tự hào về những chiến công của cha ông nơi đây vì có sự đồng thuận giữa ý trời và lòng người  - 2 câu kết: Cảm khái vì cảnh cũ còn đây mà người đã thành thiên cổ |
| **Nội dung khái quát** | Vẽ lên cảnh sông nước Bạch Đằng để qua tình yêu thiên nhiên mà gửi tình yêu đất nước, gửi niềm tự hào về mảnh đất chiến địa, mảnh đất từng lưu dấu nhiều chiến công hiển hách của cha ông; mặt khác nhà thơ còn gửi cả những nghĩ suy trăn trở về lịch sử dân tộc |
| **Nhân vật trữ tình** | Tác giả |

**2. Giá trị nội dung và NT (HSKT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HS rút ra giá trị nội dung và nghệ thuật** | **1. Giá trị nội dung**  - “Cửa biển Bạch Đằng” ca ngợi sông Bạch Đằng hùng vĩ là mồ chôn quân xâm lược.  - Nhìn dòng sông, Nguyễn Trãi tự hào về cửa ải hiểm trở, tự hào về anh hùng hào kiệt, bộc lộ lòng man mác bâng khuâng.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn linh hoạt sáng tạo  - Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc  - Tả cảnh, liệt kê, so sánh, ẩn dụ, đối đặc sắc  - Giọng thơ khi hào hùng, lúc trầm lắng suy tư,... |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết: 62 SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT (TIẾP THEO)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**. (HSKT)**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác. (HSKT)

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh.

- HS biết vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc.

**2. Phẩm chất (HSKT)**

- Yêu mến, trân trọng và có ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, …

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi để tìm thành ngữ Hán Việt gốc.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: **Đi tìm thành ngữ**

- GV trình chiếu nghĩa các thành ngữ theo cấp độ rõ dần (nghĩa bóng trước nghĩa đen, HS tìm thành ngữ Hán Việt gốc)

**1.** + Nghĩa đen : Học trò mặt trắng

+ Nghĩa bóng : Người học trò chưa có kinh nghiệm

**=> Đáp án: Bạch diện thư sinh**

**2.** + Nghĩa đen : Không vào hang hùm sao bắt được cọp con

+ Nghĩa bóng : Phải có gan mạo hiểm mới làm được việc khó.

**=> Đáp án: Bất nhập hổ huyệt, bất đắc hổ tử**

**3.** + Nghĩa đen : Chạm vào xương, ghi vào lòng.

+ Nghĩa bóng : Ghi nhớ không bao giờ quên

**=> Đáp án: Khắc cốt ghi tâm :**

**4.**  Một ngày cũng là thầy, suốt đời mới là cha.

**=> Đáp án: Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ :**

**5.** + Nghĩa đen: Một cái cười đáng giá nghìn vàng.

+ Nghĩa bóng : Ca tụng một phụ nữ đẹp.

**=> Đáp án: Nhất tiếu thiên kim**

**6.** + Nghĩa đen: Tùy nghĩa là theo. Chồng nói, làm gì, vợ cũng làm theo.

+ Nghĩa bóng : Một quan niệm phong kiến cho là người phụ nữ phải luôn luôn phục tùng người chồng..

**=> Đáp án: Phu xướng phụ tùy**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tham gia chơi, tìm thành ngữ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Câu trả lời đúng của HS

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, dẫn vào bài

=> Hiểu nghĩa của từ Hán Việt là cần thiết. Nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh cũng như vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc càng quan trọng

**2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a**. **Mục tiêu**: HS ôn tập và trau dồi vốn từ Hán Việt, nhận biết, giải nghĩa từ Hán Việt, hiểu được tác dụng biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh và biết vận dụng để đặt câu,...

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn chỉnh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu 1: (HSKT)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*  *... Song hào kiệt đời nào cũng có.*  (Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*) | | | | |
| **STT** | **Từ Hán Việt** | **Nghĩa** | **Đặt câu** | **Tác dụng biểu đạt** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| 6 |  |  |  |

**Phiếu 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ta đây:*  *Núi Lam Sơn dấy nghĩa,*  *....*  *Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.* | |
| **Điển tích** | **Tác dụng biểu đạt** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** | **Giải nghĩa từ** |
| **Nghĩa** |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Nhân** |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS làm các bài tập sgk  - GV chia lớp thành 6 nhóm hoàn thành các phiếu học tập (Phiếu 1 nhóm 1 và 2, Phiếu 2 nhóm 3 và 4, Phiếu 3 nhớm 5 và 6) kết hợp cùng tham gia trò chơi: **Khởi nghiệp ngôn ngữ**  - GV thành lập 2 đội chơi, mỗi đội chơi có 3 thành viên (góp từ 6 nhóm, mỗi nhóm 1 người tham gia)  Trò chơi:  **Vòng 1: Vốn đầu tư**  GV hướng dẫn HS kiểm tra vốn từ Hán Việt bằng khả năng nhận diện từ Hán Việt và điển tích trong đoạn trích *Bình Ngô đại cáo*  **Vòng 2: Định giá đầu tư**  GV giúp HS kiểm tra mức độ hiểu biết từ Hán Việt thông qua việc giải nghĩa từ  **Vòng 3: Gọi vốn**  HS thể hiện vốn từ vựng cá nhân bằng cách tìm các từ Hán Việt với một yếu tố Hán Việt cho trước  **Vòng 4: Đầu tư**  HS thể hiện khả năng sử dụng từ Hán Việt thông qua việc đặt câu  Đội nào trả lời được nhiều nhất và ở lại cuối cùng là đội giành chiến thắng  - HS hoàn thành phiếu học tập số 1, 2 và 3 theo nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tham gia trò chơi và hoàn thành phiếu học tập theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện 3 nhóm thực hiện 3 phiếu trình bày  - HS nhóm còn lại nhận xét, bổ sung hoặc chuyển phiếu cho nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá chéo  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, tổng hợp, chuẩn kiến thức | **1. Bài tập 1: (Phiếu 1 bên dưới)**  a) Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản *Bình Ngô đại cáo*.  b) Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán Việt trong đoạn trích.  c) Đặt câu với các từ: *nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt.*  **2. Bài tập 2: (Phiếu 2 bên dưới)**  Đọc lại đoạn 3 của văn bản *Bình Ngô đại cáo* (từ câu “Ta đây:” đến câu “Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều”), lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý.  **3. Bài tập 3,4: (Phiếu 3 bên dưới)**  - Hầu hết các từ có yếu tố “nghĩa” trong nguyên tác *Bình Ngô đại cáo* đã được dùng lại nguyên vẹn, không dịch ra tiếng Việt (ví dụ: nhân nghĩa). Liệt kê và giải thích ý nghĩa của các từ đó.  - Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ  nhân nghĩa. Giải nghĩa các từ đó. |

**Phiếu 1: (HSKT)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, .... Song hào kiệt đời nào cũng có.*  (Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*) | | | | |
| **STT** | **Từ Hán Việt** | **Nghĩa** | **Đặt câu** | **Tác dụng biểu đạt** |
| 1 | *trừ bạo* | diệt trừ những kẻ bạo ngược, làm hại dân lành (trừ: trừ bỏ, loại bỏ; bạo: tàn bạo). | Đó là người anh hùng chuyên trừ bạo, cứu giúp nhân dân | - Giữ được những từ ngữ mang nội hàm của một giai đoạn, một học thuyết (nhân nghĩa).  - Làm cho văn bản trở nên ngắn gọn, súc tích. |
| 2 | *phong tục* | thói quen đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo (phong: thói quen được ưa chuộng, tục: cái được công nhận, ham chuộng). | Trải qua ngàn đời, những phong tục thôn quê đẹp đẽ vẫn được gìn giữ vẹn nguyên |
| 3 | *độc lập* | nước có chủ quyền, không lệ thuộc vào nước khác; người tự mình tồn tại không lệ thuộc vào ai (độc: một mình, lập: đứng thẳng, gây dựng). | Nước ta là một nước độc lập |
| 4 | *nhân nghĩa* | lòng thương người và sự đối xử với người theo lẽ phải. | Tư tưởng nhân nghĩa trong văn Nguyễn Trãi tỏa ánh sao Khuê |
| 5 | *văn hiến* | chú thích (2) Sgk tr.11 | Đất nước ta ngàn năm văn hiến |
| 6 | *hào kiệt* | chú thích (1) Sgk tr.12 | Anh hùng, hào kiệt đất ấy nổi danh |

**Phiếu 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ta đây:*  *Núi Lam Sơn dấy nghĩa,*  *....*  *Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.* | |
| **Điển tích** | **Tác dụng biểu đạt** |
| 1. Đau lòng nhức óc – Mượn chữ từ sách Tả truyện | Tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt gợi liên tưởng như u nhọt hận chưa nhổ sạch, qua đó cho thấy thái độ căm giận giặc Minh. |
| 2. Nếm mật nằm gai – tích vua Đông Chu là Câu Tiễn bị cướp nước sau đó nuôi chí phục thù | Tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt, cho thấy sự kiên trì, ý chí đấu tranh không ngại gian khổ để giành lại đất nước của nghĩa quân. |
| 3. Quên ăn – mượn chữ trong sách Luận ngữ, nói về việc khi chí ham học nổi lên thì quên cả ăn. | Ý chí miệt mài, ngẫm binh thư, tìm sách lược đến quên ăn |
| 4. Lược thao – tên cuốn sách dạy quân sự | Ý thức tìm phương án, binh thư sách lược |
| 5. Tiến về đông – mượn chữ từ câu nói của Lưu Bang ý rằng phải tiến về phía đông chứ không ở mãi chốn cũ được. | Khao khát tiến về Đông Đô, giải phóng dân tộc |
| 6. Dành phía tả - điển Tín Lăng Quân nước Ngụy thời Đông Chu (phía tả là phía bên phải giữ cương ngựa, dành chỗ bên trái để Hầu Doanh ngồi. | Tấm lòng cầu hiền chân thành và thái độ trung quân ái quốc |
| 7. Dựng cần trúc (tích Hoàng Sào thuở ban đầu chưa kịp làm cờ phải giơ sào lên thay khẩu hiệu khởi nghĩa) | Ý chí vượt qua thử thách, khó khăn, gian nan, không ngại khó, ngại khổ. |
| 8. Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào – tích khi xưa vua Sở có bình rượu quý, sai đổ xuống sông khao quân, sau Sở đánh thắng Tấn | Tinh thần đoàn kết, yêu thương giữa tướng lĩnh và nghĩa quân Lam Sơn. |

**Phiếu 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** | **Giải nghĩa từ** |
| **Nghĩa** | - Nhân nghĩa: | lòng thương người và sự đối xử với người theo lẽ phải. |
| - Dấy nghĩa: | tổ chức quân đội nổi lên chống lại ách thống trị, theo lẽ phải. |
| - Cờ nghĩa: | cờ làm hiệu lệnh, đại diện cho quân đội theo lẽ phải. |
| - Đại nghĩa: | chính nghĩa cao cả. |
| **Nhân** | - Nhân ái: | lòng yêu thương con người. |
| - Nhân đạo: | lòng tốt tự nhiên của con người. |
| - Nhân hậu: | có lòng thương người và ăn ở có tình nghĩa |
| - Nhân từ: | có lòng thương người và hiền lành. |
| - Nhân văn: | thuộc về văn hóa loài người, thuộc về con người. |

**Bảng kiểm đánh giá chéo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Tìm đủ từ Hán Việt trong đoạn |  |
| **2** | Giải nghĩa đúng các từ Hán Việt |  |
| **3** | Đặt câu đúng ngữ pháp. |  |
| **4** | Đặt câu đúng văn cảnh. |  |
| **5** | Câu văn sáng tạo, hấp dẫn, sinh động |  |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn cảm thụ một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, trong đó có sử dụng từ Hán Việt

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập của HS theo yêu cầu của GV (có thể cho về nhà)

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hình thức: Làm việc cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, trong đó có sử dụng ít nhất 03 từ Hán Việt  GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ, viết đoạn văn  - GV có thể gợi ý HS cụ thể:  + *Em sẽ nêu cảm nhận bài thơ chữ Hán nào của Nguyễn Trãi*  *+ Nhân vật trữ tình và những tâm tư gửi gắm?*  *+ Đặc điểm nội dung, nghệ thuật bài thơ?*  *+ Cảm nhận về một hình ảnh ấn tượng đặc sắc trong bài thơ*  *+ Em sẽ sử dụng từ Hán Việt như thế nào với mục đích gì?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn.  Các HS khác nhận xét theo bảng kiểm  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  GV nhận xét và cho điểm HS. | **Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:**  - Dung lượng đoạn văn khoảng 150 chữ; đảm bảo hình thức đoạn văn.  - Nội dung của đoạn văn: cảm thụ một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi  - Đoạn văn có sử dụng ít nhất 03 từ Hán Việt |

**Bảng kiểm đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ. |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: Cảm nhận một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, trong đó có sử dụng từ Hán Việt |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| 5 | Đoạn văn có sử dụng ít nhất 03 từ Hán Việt |  |

**Đoạn văn tham khảo: Cảm thụ bài thơ**

**Thính Vũ**(Nguyễn Trãi)

*Tịch mịch u trai lý*

*Chung tiêu thính vũ thanh  
Tiêu tao kinh khách chẩm  
Điểm trích sổ tàn canh  
Cách trúc  xao song mật  
Hòa chung nhập mộng thanh  
Ngâm dư hồn bất mị  
Đoạn tục đáo thiên minh.*

Dịch nghĩa:

**Nghe Mưa**

Vắng vẻ trong phòng tối tăm,

Suốt đêm nghe tiếng trời mưa.

Tiếng não nùng làm kinh động gối khách,

Giọt thánh thót suốt mấy canh tàn.

Cách bụi trúc tiếng khua nhặt vào cửa sổ,

Lẫn tiếng chuông vẳng vào giấc mơ nhẹ nhàng.

Ngâm rồi vẫn không ngủ được,

Nghe đứt nối cho đến trời bình minh.

Bài thơ **ngũ ngôn bát cú** phá cách bằng cách làm lạ một cái tôi nhiều tâm trạng. Đó là một Nguyễn Trãi trong đêm mưa nơi **thư phòng** tịch mịch. Tiếng mưa rơi khi to khi nhỏ làm lay động tâm tư khách. Điệu thơ như hòa vào cõi mộng, **ngâm vịnh** mãi mà vẫn không sao ngủ được. Gió thổi khóm trúc ngoài song cửa, tiếng nhặt khoan được **tác giả** **nhân cách hoá** thành tiếng khua cửa như đang đùa giỡn ai. Tiếng chuông ngân vẳng đó đây làm cho tâm hồn **thanh tao** tĩnh lặng cũng phải thao thức cả đêm cùng tiếng mưa dai dẳng đứt nối cho đến sớm mai. Một Nguyễn Trãi yêu nước thương dân, **ưu thời, mẫn thế** mà giờ đây chỉ còn lại khoảng lắng tâm tư cùng tiếng mưa thánh thót. Ngoài song mưa đất trời rơi rơi. Trong **trai phòng**, nỗi niềm **ưu tư** Nguyễn Trãi đang dâng trào thao thiết…

**Hướng dẫn học ở nhà**:

**1.**Tìm và sửa các lỗi dùng từ (đặc biệt là lỗi dùng từ Hán Việt) trong các bài kiểm tra môn Ngữ văn.

**2.**Tìm và bổ sung vốn từ Hán Việt bằng cách ghi vào sổ tay từ Hán Việt và chia sẻ với các bạn để làm giàu ngôn ngữ cho bản thân.

**3.** Chuẩn bị bài: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (đọc bài tham khảo, trả lời câu hỏi và chuẩn bị 01 đề tài trước khi đến lớp)

**Tiết 63,64 VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**. (HSKT)**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác. (HSKT)

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

***Quy trình viết***

- Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

***Thực hành viết (HSKT)***

- HS nắm được yêu cầu và cách thức viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- HS biết cách trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề xã hội bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các bằng chứng xác thực, phù hợp, thuyết phục.

**2. Phẩm chất (HSKT)**

- Biết ứng xử chuẩn mực, cảm thông, chia sẻ với đối tượng được thuyết phục

- Tin tưởng vào điều mình đang hướng tới

- Lịch lãm, tế nhị trong cách sử dụng ngôn ngữ,...

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, Rubric đánh giá và chỉnh sửa,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem clip, trả lời câu hỏi, chơi trò chơi tìm từ ngữ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu nhiệm vụ kết hợp chia lớp thành 3 nhóm xem clip, và cho biết:  + Clip trên nói về những vấn đề xã hội nào?  + Tìm từ ngữ thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, quan điểm trước những vấn đề xã hội đó? Trong khoảng thời gian 1 phút nhóm nào tìm được nhiều từ hơn, các từ có giá trị biểu cảm cao hơn sẽ giành chiến thắng.  - GV chiếu clip đề cập đến các vấn đề về: sống hòa mình vào thiên nhiên, cân bằng cuộc sống, sống chủ động, tự tin,…  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh xem video và suy nghĩ, trả lời các câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ ý kiến  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học:  + Cuộc đời tươi đẹp hay chỉ toàn khổ đau, sướng vui hay chỉ toàn bất hạnh? Ai có thể định nghĩa đúng nhất về cuộc đời? Chỉ có thể sống hết mình và rồi xã hội sẽ giúp bạn hiểu…  + Viết về vấn đề xã hội là cách giúp ta sống sâu hơn, suy nghĩ nghiêm túc hơn về những vấn đề nóng hổi tác động tới chính ta mỗi ngày…  + Bàn luận về các vấn đề xã hội đã trở thành một nhu cầu phổ biến, tất yếu của con người hiện đại. Khi bàn luận, chúng ta không chỉ thể hiện ý kiến cá nhân mà còn muốn thuyết phục người khác đồng tình với quan điểm của mình; qua đó, góp phần tạo nên những thay đổi tích cực trong cộng đồng và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.  + Nếu lựa chọn hình thức bàn luận về vấn đề xã hội bằng một bài viết, chúng ta cần làm gì để đạt được những mong muốn ấy? | - Nội dung clip: Sống hòa mình vào thiên nhiên, cân bằng cuộc sống, sống chủ động, tự tin,…  - HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân:  (Dự kiến những câu trả lời HS có thể đưa ra:  **- Lối sống hòa mình vào thiên nhiên:** nhịp dừng tạm thời, nhìn lại bản thân, xoa dịu những thương tổn, an yên, hít thở bầu không khí trong lành, cảm nhận được sự tĩnh lặng từ bên trong tâm hồn, bao dung, lạc quan, trong sáng, thuần hậu…  **- Cân bằng cuộc sống:** hạnh phúc và khỏe mạnh, động lực để thúc đẩy năng suất lao động, điều chỉnh nhỏ theo thời gian, thói quen mới tích cực, đầu óc được nghỉ ngơi, dành nhiều thời gian hơn để tương tác với gia đình và bạn bè, nói không với mọi thứ không cần thiết hoặc những thứ không tạo thêm giá trị cho cuộc sống của bạn, dành gian để vận động cơ thể, ở bên những người sống tích cực, biết cảm thông và luôn tự tin, dành thời gian cho chính bản thân, hạnh phúc và thúc đẩy sự sáng tạo, dành thời gian riêng cho gia đình và bạn, quan tâm đến những người bên cạnh bạn, tận hưởng niềm vui trong cuộc sống những thứ mới mẻ, những điều bạn thấy thú vị, mỉm cười, đùa giỡn, vui chơi, cảm xúc của bạn tốt lên,…  **- Sống chủ động:** tự tin, tích cực, không ngừng sáng tạo, cống hiến, chuẩn bị cho tương lai, sống không bị động, gặt hái được nhiều thành tích cao, vạch ra cho mình những kế hoạch, mục tiêu cụ thể từ đó sống và học tập hết mình, nhạy bén với những thay đổi của xã hội, của thế giới, chăm chỉ, siêng năng, sở hữu trí tưởng tượng phong phú, lối làm việc sáng tạo và nhanh nhạy, ỷ lại vào người khác, sống thụ động. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Hiểu được những yêu cầu và cách thức viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung**: HS đọc văn bản SGK, trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Đọc và phân tích đánh giá bài viết tham khảo: *Sống đơn giản – xu thế của thế kì XXI* (Chương Thâu)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS:  - Gọi 1 HS đọc to, rõ ràng văn bản, cả lớp chú ý theo dõi kĩ văn bản.  - Yêu cầu thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi gợi ý trong SGK. Lưu ý HS dựa vào các hộp ghi chú cạnh văn bản để trả lời các câu hỏi:  *1. Nhận xét về cách đặt nhan đề bài viết*  *2. Vấn đề đã được người viết triển khai bằng những luận điểm nào?*  *3. Chỉ ra các yếu tối làm nên sức thuyết phục của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh đọc văn bản tham khảo và thảo luận trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Cặp đôi trình bày kết quả và bổ sung cho nhau  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét và chốt kiến thức  **\* Yêu cầu đối với văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, các em cần thực hiện các yêu cầu gì?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày kết quả và bổ sung cho nhau  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét và chốt kiến thức | **I. Đọc và phân tích đánh giá bài viết tham khảo: *Sống đơn giản – xu thế của thế kì XXI* (Chương Thâu)**  1. Cách đặt nhan đề: ngắn gọn, nêu được chủ đề của văn bản và thu hút được sự chú ý của người đọc  2. Hệ thống luận điểm trong văn bản:  - Luận điểm 1: Nêu quan điểm của tác giả: Thế nào là sống đơn giản?  - Luận điểm 2: Làm thế nào để có thể sống đơn giản?  - Luận điểm 3: Khẳng định ý nghĩa của lối sống đơn giản trong cuộc sống hiện đại ngày nay  3. Các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản:  - Bố cục đầy đủ, mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai thành các luận điểm, kết bài khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề  - Lập luận chặt chẽ, có các câu văn nêu luận điểm sáng rõ, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng.  - Kết hợp giữa các yếu tố nghị luận, biểu cảm, miêu tả.  - Lời văn khách quan, khoa học, giàu sức thuyết phục.  **II. Yêu cầu đối với văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội** (HSKT)  - Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận.  - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận.  - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ  - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.  - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT**

**a. Mục tiêu**:

**-** Xác định rõ vấn đề xã hội cần bàn luận.

- Nêu rõ được lí do lựa chọn và quan điểm nhìn nhận của bản thân về vấn đề xã hội cần bàn luận

- Chứng minh được quan điểm của bản thân bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng lí lẽ thuyết phục và dẫn chứng chính xác đầy đủ.

- Sử dụng được những yếu tố biểu cảm để tăng sức hấp dẫn, thuyết phục cho bài văn.

- Đánh giá, khẳng định được ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

**b. Nội dung**: HS lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý, viết và chỉnh sửa, hoàn thiện bài nghị luận về một vấn đề xã hội

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU TÌM Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các ý cần tìm** | **Nội dung cần đạt** |
| Vì sao bạn muốn bàn luận về vấn đề này? Vấn đề này có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân và cộng đồng? |  |
| Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề (đồng tình hay phản đối, ủng hộ hay cần phê phán khắc phục…. ) |  |
| Bạn cần đưa ra những lí lẽ, bằng chứng gì để chứng minh quan điểm của mình là đúng đắn và thuyết phục người khác đồng tình với mình? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Chuẩn bị viết**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nêu một số vấn đề xã hội có tính thời sự mà HS biết hoặc quan tâm.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS chủ động lựa chọn các vấn đề xã hội phù hợp với lứa tuổi, hiểu biết,… của bản thân  - HS thu thập các thông tin, bài viết, quan điểm khác nhau về vấn đề mình quan tâm, lựa chọn.  (HS có thể chuẩn bị trước ở nhà)  **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS nêu vấn đề xã hội mà mình biết/ quan tâm phù hợp với hiểu biết, lứa tuổi  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét và định hướng HS lựa chọn những vấn đề gần gần gũi và có ý nghĩa thiết thực để HS thực hành viết bài văn nghị luận xã hội  **Chẳng hạn:** Viết văn bản nghị luận về vấn đề: Sống ở thế chủ động | **III. Thực hành viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội**  **1. Lựa chọn vấn đề**  **Các đề tài có thể lựa chọn:**  - Thái độ thờ ơ của con người đối với môi trường  - Sống ở thế chủ động  - Sống hòa hợp với thiên nhiên  - Cân bằng trong cuộc sống  - Tình yêu tuổi học trò  - Sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ  - Cách sử dụng thời gian rảnh rỗi  - Tinh thần, trách nhiệm và thái độ hợp tác trong công việc  - Hiện tượng biến đổi khí hậu  - Ảnh hưởng của đại dịch đối với đời sống xã hội,... |
| **\* Tìm ý**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cung cấp phiếu tìm ý để HS hoàn thiện  - HS thảo luận tìm ý theo bàn  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  ***-*** HS suy nghĩ, hoàn thành phiếu tìm ý  - HS ghi chép và đánh dấu lại những vấn đề cần chú ý và trao đổi lại với GV những điểm chưa rõ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV xem sản phẩm của HS và gọi đại diện HS báo cáo kết quả.  - Các HS còn lại nhận xét, góp ý  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  - HSKT tham gia viết | **2. Tìm ý**  **-** HS tìm được ý chính cho bài văn qua việc trả lời các câu hỏi hợi ý:  *+ Thế nào là sống ở thế chủ động?*  *+ Ý nghĩa của lối sống ở thế chủ động? Tại sao cần phải sống ở thế chủ động?*  *+ Cần làm gì để có thể sống ở thế chủ động?*  *…..* |
| **\* Lập dàn ý**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm: Dựa vào phần Tìm ý, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí thành dàn ý  - Các nhóm HS thảo luận lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  4 nhóm HS thảo luận lập dàn ý theo yêu cầu  **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV xem sản phẩm của HS và gọi đại diện HS báo cáo kết quả.  - Các HS còn lại nhận xét, góp ý  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  - HSKT lập dàn ý | **3. Lập dàn ý**  **a. Mở bài:**  Giới thiệu ngắn gọn về vấn đề: Sống ở thế chủ động  **b. Thân bài**  **- Sống ở thế chủ động là lối sống như thế nào?**  + Chủ động là tự mình hành động, không bị chi phối bởi người khác hoặc hoàn cảnh bên ngoài.  + Sống ở thế chủ động là hành động độc lập với hoàn cảnh xung quanh, làm chủ được tình thế, dám nghĩ, dám hành động trên tất cả mọi lĩnh vực, chủ động tìm tòi, chủ động đề nghị, chủ động dấn thân…  **- Sống ở thế chủ động đem lại ích lợi gì? Tại sao phải sống chủ động?**  + Cuộc sống luôn đặt tuổi trẻ vào những tình huống, thử thách phải chủ động tìm cách giải quyết;  + Sống chủ động khiến con người tự tin, bản lĩnh, linh hoạt ứng xử trong mọi tình huống để vượt qua khó khăn, hoàn thành mục tiêu, khát vọng, ước mơ;  + Tuổi trẻ chủ động sẽ không ngừng tạo được cơ hội mới khẳng định bản thân, đạt được thành công;  + Xã hội có nhiều cá nhân sống chủ động sẽ tạo ra một bầu không khí dám nghĩ, dám làm, nâng cao chất lượng công việc và cuộc sống. (D/c minh họa)  + Cần phê phán những bạn trẻ sống dựa dẫm, thiếu tự tin, thụ động: Sống ở thế chủ động cần thiết trong môi trường xã hội hôm nay, là một thái độ tích cực của tuổi trẻ trong thời đại toàn cầu hóa, đặc biệt không thể thiếu đối với công dân toàn cầu.  **- Làm thế nào để sống chủ động?**  - Trang bị kiến thức  - Có ước mơ lí tưởng  - Có bản lĩnh dám đương đầu  **c. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận  - Nhấn mạnh sự cần thiết tất yếu của lối sống chủ động không chỉ đối với tuổi trẻ trong thời đại mới,... |
| **\* Viết bài**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành viết bài văn hoàn chỉnh dựa trên dàn ý đã lập  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - 4 HS ở 4 tổ (mỗi tổ gọi 1 HS) trình bày bài làm của mình.  - HS còn lại theo dõi và đánh giá bài làm của bạn, sử dụng rubric đánh giá bài viết  **Bước 4. Kết luận, nhận xét**  - HS thảo luận theo nhóm và đánh giá bài làm của bạn bằng *rubric* (2 bàn 1 nhóm)  **-** HS nêu ý kiến nhận xét, bổ sung cho bài làm của bạn  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những bài viết tốt, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt nỗ lực hơn.  - HSKT về nhà viết | **4. Viết bài**   * HS dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.   **-** Viết bài văn hoàn chỉnh đạt yêu cầu cơ bản về cấu trúc, nội dung, trình bày, diễn đạt, chính tả…:  +Tôn trọng trật tự ý lớn, nhỏ  + Kết hợp lí lẽ và dẫn chứng  + Soi chiếu từ nhiều góc nhìn  + Thuyết phục người khác đồng tình với mình  + Văn phong tự tin,... |
| **\* Chỉnh sửa, hoàn thiện**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS tự đọc lại bài viết, đối chiếu với các tiêu chí trong rubric để phát hiện những nội dung cần bổ sung, các lỗi cần chỉnh sửa nhằm hoàn thiện bài viết  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc và tự chỉnh sửa bài viết  **Bước 3. Báo cáo**  GV xem lại phần chỉnh sửa của HS, gọi một số HS báo cáo. GV chú ý đến nhóm HS trung bình, yếu.  **Bước 4. Kết luận, nhận xét**  GV nhận xét, tổng kết | **5. Chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để phát hện các nội dung cần bổ sung, các lỗi cần chỉnh sửa nhằm hoàn thiện bài viết.  - Có thể tự rà soát bài viết theo các tiêu chí trong rubric để tự hoàn thiện bài |

**Rubrics đánh giá và chỉnh sửa bài viết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở bài | Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận |  |  |
| Thân bài | Hệ thống luận điểm rành mạch, thể hiện rõ quan điểm cá nhân của người viết |  |  |
| Các luận điểm đã được sắp xếp hợp lí, các lí lẽ, bằng chứng đã được sử dụng một cách hiệu quả |  |  |
| Kết bài | Khẳng định lại một cách khái quát về vấn đề nghị luận |  |  |
| Nhấn mạnh sự cần thiết tất yếu của vấn đề đối với cá nhân và cộng đồng |  |  |
| Kĩ năng, trình bày, diễn đạt | Diễn đạt rõ ràng, đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu |  |  |
| Văn phong, giọng điệu được lựa chọn phù hợp với mục đích viết và đối tượng cần thuyết phục |  |  |
| Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng và đảm bảo mạch lạc cho bài viết |  |  |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu rõ được lí do lựa chọn và quan điểm nhìn nhận của bản thân về vấn đề xã hội cần bàn luận

- Chứng minh được quan điểm của bản thân bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng lí lẽ thuyết phục và dẫn chứng chính xác đầy đủ.

- Sử dụng được những yếu tố biểu cảm để tăng sức hấp dẫn, thuyết phục cho bài văn.

- Đánh giá, khẳng định được ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận

**b. Nội dung:** HS vận dụng, liên hệ thực tế viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà)**

Để chuẩn bị cho buổi sinh hoạt lớp, em hãy viết bài văn trình bày quan điểm về chủ đề: “*Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?”* (GV khích lệ HS chuẩn bị kết hợp trình chiếu sản phẩm)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS tìm hiểu đề, lập dàn ý và viết bài hoàn chỉnh

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS nộp bài cho GV vào tiết học sau

- GV tiến hành cho HS nhận xét, góp ý lẫn nhau

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV tổng hợp các ý kiến nhận xét, góp ý, khích lệ HS chỉnh sửa, tiếp tục hoàn thiện bài viết

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

* Hoàn thiện lại bài viết theo rubric.

- Sưu tầm một số văn bản nghị luận về vấn đề xã hội để học tập cách viết theo quy trình và cách diễn đạt.

- Chuẩn bị bài Nói và Nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau *“Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?”*

**NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 65 THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**. (HSKT)**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác. (HSKT)

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

***Nói***

- HS hiểu được sự cần thiết của việc trao đổi, thảo luận khi nảy sinh ý kiến khác nhau về một vấn đề nào đó.

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề.

***Nghe***

- Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

***Nói nghe tương tác***

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

**2. Phẩm chất (HSKT)**

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**HS xem clip:**

<https://www.youtube.com/watch?v=pA-YVva0Fi4> (55:13)

Em đứng về quan điểm của ai trong 2 người trên?

GV chọn 2 đại diện thực hiện cuộc tranh biện nhỏ về 2 quan điểm trên bằng những lí lẽ của cá nhân

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
* GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện HS tham gia thể hiện quan điểm cá nhân
* HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

🡺**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Hãy luôn sẵn lòng nhìn cả hai mặt của một vấn đề. Hiểu quan điểm đối lập là cách tốt nhất để củng cố quan điểm của bạn

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài thảo** **luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được các yêu cầu chung của bài thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

**b. Nội dung**: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Để thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau, các em cần thực hiện những yêu cầu gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét và chuẩn yêu cầu  - HSKT tham gia | **I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau**  1. Lựa chọn được vấn đề cần thảo luận  2. Khái quát, phân tích được những ý kiến khác nhau  3. Nêu được ý kiến cá nhân  4. Tổng hợp những quan điểm thống nhất |

**Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe** **thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau**

**a. Mục tiêu**:

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề.

-HS biết lắng nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

**b. Nội dung**:

- HS được phân công trình bày bài nói cần lựa chọn đề tài, tìm ý và sắp xếp ý, chuẩn bị phương tiện hỗ trợ,...

- Người nghe cần tìm hiểu đề tài và nội dung vấn đề được thảo luận, xác định được quan điểm của cá nhân và các tiêu chí cơ bản để đánh giá vấn đề,...

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS và và ý kiến của người nghe về vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

**d. Tổ chức thực hiện:**

**2.2.1. Chuẩn bị thảo luận:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuẩn bị thảo luận:**  **1. Chuẩn bị nói:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV nêu chủ đề thảo luận đã thống nhất từ tiết học trước: *Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?*  \* Cách 1: GV yêu cầu HS thể hiện quan điểm bằng hình thức giơ tay, sau đó chia lớp thành các nhóm:  + Nhóm phụ huynh: Gồm các HS không đồng tình  + Nhóm học sinh: Gồm các HS đồng tình  + Nhóm Chuyên gia tâm lí học đường: GVCN (vừa đồng tình vừa không đồng tình), đề xuất phương pháp giải quyết  - HS dùng kĩ thuật khăn trải bàn để ghi kết quả thảo luận, xác định quan điểm chung của nhóm, mỗi HS đều phải đưa ra luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ cho quan điểm chung của nhóm. Sau khi thảo luận, nhóm cùng hoàn thiện phiếu học tập số 1 và chuẩn bị cụ thể những phương tiện hỗ trợ khi thuyết trình  \* Cách 2: GV giúp HS thể hiện các ý kiến bằng một vở kịch ngắn hoặc một buổi trao đổi 3 bên giữa HS, phụ huynh, GVCN về chuyện HS yêu đương  \* Tình huống:  - Hai HS yêu nhau, dắt nhau đi chơi, có một vài từ ngữ và cử chỉ thân mật  - Phụ huynh bắt gặp  - Tranh luận giữa phụ huynh và HS:  + HS đưa lí lẽ bảo vệ tình yêu học đường  + PH đưa lí lẽ để lên án tình yêu học đường  - GVCN phân giải: Phân tích mặt được, chưa được, nên hay không nên  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện trao đổi, thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn và hoàn thành *Phiếu học tập 1(bên dưới).*  **Hoặc:**  HS quan sát tình huống, chuẩn bị lập luận, dự kiến phương tiện hỗ trợ để thảo luận theo các nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV tổ chức cuộc trao đổi 3 bên về vấn đề hoặc gọi bất kì HS thuộc các nhóm bày tỏ quan điểm bằng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV sử dụng *Rubrics 1* đánh giá *Phiếu học tập số 1* (bên dưới) và góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm.  **2. Chuẩn bị nghe**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.   * HSKT chia sẻ bài viết ở nhà, HS trong lớp thảo luận | **II. Chuẩn bị thảo luận**  **1. Chuẩn bị nói:**  **a. Lựa chọn đề tài:**  **-** Vấn đề thảo luận: *Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?*  **b. Tìm ý và sắp xếp ý:**  **- Đồng tình:**  + Do sự phát triển tâm sinh lí lứa tuổi  + Tình yêu học trò đem lại những xúc cảm mới  + Tình yêu học trò là nguồn động lực giúp mỗi người hạnh phúc, yêu đời và vươn lên trong học tập, trong cuộc sống,...  **- Không đồng tình:**  + Tuổi còn nhỏ, cần tập trung vào học hành  + Chưa đủ trưởng thành về tâm, sinh lí  + Có những hiểm họa khôn lường,...  **- Vừa đồng tình vừa không đồng tình:**  Kết hợp lí lẽ của 2 quan điểm trên  **c. Xác định từ ngữ then chốt:**  - Quan điểm (quan điểm của tôi/chúng tôi là,…),  - Góc độ (tôi/chúng tôi nhìn nhận vấn đề theo một góc độ khác với bạn/các bạn,…),  - Khía cạnh (còn một khía cạnh khác cần phải chú ý là,…),  - Cách tiếp cận vấn đề, quan điểm chung, theo tôi/chúng tôi, tôi/chúng tôi cho rằng,  - Góc nhìn khác biệt,…  **d. Phương tiện hỗ trợ**  Tranh, ảnh, trích đoạn phim ngắn từ phim tài liệu, bài hát, biểu đồ,…  VD: Bài hát “Hoa sữa” (Sáng tác: Hồng Đăng)  “Sao em nỡ vội lấy chồng” (Sáng tác: Trần Tiến, phỏng thơ “Lá Diêu Bông” của Hoàng Cầm),...  **2. Chuẩn bị nghe:**  - Tìm hiểu đề tài, nội dung vấn đề đưa ra để thảo luận  - Xác định rõ quan điểm cá nhân trong cách nhìn nhận và đánh giá vấn đề  - Hình dung cụ thể về tiêu chí đánh giá  - Chuẩn bị phương tiện ghi chép để có thể ghi lại thông tin trong quá trình nghe và dự kiến nội dung sẽ thảo luận, chẳng hạn:  + Bạn quan niệm thế nào là một tình yêu đẹp? + Khi yêu mà cả hai cùng bị ảnh hưởng bởi học tập thì đó có còn là tình yêu đẹp nữa không?  + Theo bạn tình yêu là chuyện của trái tim hay lý trí?  + Khi yêu mà bố mẹ không đồng ý thì bạn sẽ giải quyết như thế nào?  + Bạn có nghĩ rằng: “Tình yêu tuổi học trò mới là đẹp nhất”?,... |

**2.2.2. Thảo luận:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi đại diện 3 nhóm: 1 nhóm đồng tình,1 nhóm không đồng tình, 1 nhóm vừa đồng tình vừa không đồng tình (nếu có đầy đủ)  - HS đại diện lên thuyết trình. Lưu ý HS chú ý sử dụng giọng điệu, tư thế, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp.  + Mỗi nhóm có 5 phút trình bày quan điểm.  + Sau đó các nhóm còn lại bổ sung nếu đồng tình và đặt câu hỏi tranh biện nếu phản đối (đặt câu hỏi cho đối phương và giải đáp câu hỏi của đối phương để bảo vệ quan điểm)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện thuyết trình và lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi thảo luận  **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  Đại diện các nhóm lên thuyết trình và thảo luận  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV sử dụng *Rubrics 2. Đánh giá phần thuyết trình tranh biện của các nhóm* (bên dưới)để đánh giá HS và lựa chọn nhóm có phần thuyết trình, tranh biện thuyết phục nhất. | **III. Thảo luận**  **1. Người nói:**  **- Trình bày bài nói**  • Tạo không khí và quan hệ giao tiếp như: tự giới thiệu họ tên, sử dụng ngôi phù hợp trong giao tiếp  • Trình bày bài nói  + Giới thiệu vấn đề cần thảo luận  + Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề thảo luận  + Trình bày được ý kiến, quan điểm  + Mở rộng nâng cao  • Sử dụng cách diễn đạt phù hợp, linh hoạt. Cần dùng một số từ ngữ then chốt khi thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau  • Đáp ứng được các yêu cầu về tính mạch lạc, thuyết phục: Nêu rõ được quan điểm của nhóm, đưa ra những lập luận, lí lẽ logic, chặt chẽ và dẫn chứng thuyết phục;…  • Sử dụng giọng điệu, ngữ điệu thích hợp truyền cảm kết hợp với ngôn ngữ hình thể để thu hút người nghe.  • Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, âm thanh,….(nếu có thể)  **- Trao đổi**  + Lắng nghe với thái độ tôn trọng, tinh thần cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc ý kiến của người nghe  + Trả lời và giải thích ngắn gọn, rõ ràng các câu hỏi, ý kiến của người nghe  **2. Người nghe**  **- Lắng nghe và ghi chép**  + Lắng nghe để nắm bắt quan điểm, ý kiến của người nói  + Sắp xếp các thông tin thu nhận được trong khi nghe và ghi chép những ý chính của người nói  + Ghi những câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi với người nói  - **Trao đổi**  + Thể hiện tôn trọng quan điểm của người nói và tinh thần cởi mở, chia sẻ tích cực  + Trao đổi những điều bạn chưa rõ hoặc chưa thống nhất với ý kiến, quan điểm của người nói |

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHÓM:……**  **Quan điểm chung của nhóm:………………………** | | | |
| Luận điểm 1:  ……………………....…................................ | Luận điểm 2:  ............................................................................ | Luận điểm 3  ..................................................................…...... | Luận điểm n  .................................................................. |
| Luận cứ 1:  …………………........  …...………………..... | Luận cứ 2:  .………………….........  ……………………...... | Luận cứ 3:  ……………………......  ...…………………....... | Luận cứ n  .................................................................. |
| Luận chứng 1:  …………………….....  …………………......... | Luận chứng 2:  ……………………......  ……………………...... | Luận chứng 3:  ……………………......  ……………………...... | Luận chứng n  .................................................................. |

**Rubrics 1. Đánh giá hoạt động nhóm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tiêu chí** | **Tốt**  **(4 điểm)** | **Khá**  **(3 điểm)** | **Trung bình**  **(2 điểm)** | **Cần điều chỉnh**  **(1 điểm)** |
| **1. Sự tham gia** | Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép | Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép | Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc | Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao |
| **2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm** | Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân | Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân | Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm | Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng |
| **3. Sự hợp tác** | Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung | Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung | Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung | Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung |
| **4. Sự sắp xếp thời gian** | Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm | Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm | Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm | Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi |

**Rubrics 2. Đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đạt được** | | | |
| **Tốt**  **(4)** | **Khá**  **(3)** | **Trung bình (2)** | **Cần điều chỉnh (1)** |
| Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục |  |  |  |  |
| Lập trường vững vàng |  |  |  |  |
| Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày (sơ đồ, hình ảnh) |  |  |  |  |
| Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại |  |  |  |  |
| Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại |  |  |  |  |
| Tương tác tốt với người nghe |  |  |  |  |
| Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm |  |  |  |  |
| Điệu bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp… |  |  |  |  |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 6) (HSKT nghe)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: HS hoàn thành:

**Bảng tổng hợp về văn thơ Nguyễn Trãi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mảng sáng tác | Tác phẩm tiêu biểu | Đặc điểm cơ bản về thể loại | Đóng góp của Nguyễn Trãi |
| Văn chính luận |  |  |  |
| Thơ chữ Hán |  |  |  |
| Thơ chữ Nôm |  |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ và định hướng**

**Bảng tổng hợp về văn thơ Nguyễn Trãi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mảng sáng tác | Tác phẩm tiêu biểu | Đặc điểm cơ bản về thể loại | Đóng góp của Nguyễn Trãi |
| Văn chính luận | *Bình ngô đại cáo,*  *Quân trung từ mệnh tập* | - Luận đề sáng rõ, hệ thống luận điểm chặt chẽ.  - Lập luận chặt chẽ; kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng  - Giọng điệu khách quan, khoa học, thuyết phục  - Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong một bài văn nghị luận | - Sáng tác của Nguyễn Trãi được coi là tập đại thành của văn học nước nhà, trải dài trên nhiều thể loại, và ở thể loại nào Nguyễn Trãi cũng để lại những kiệt tác.  - Nguyễn Trãi đã góp phần làm phong phú kho tàng văn chính luận bằng những tác phẩm đạt đến độ mẫu mực.  - Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách thuần thục thể thơ Đường luật trong các tác phẩm của mình, đồng thời sáng tạo ra một thể thơ riêng của dân tộc đó là thể thơ thất ngôn xen lẫn lục ngôn.  - Về các lĩnh vực khác:  + Lịch sử với cuốn “Lam Sơn thực lục”  + Địa lý với cuốn “Dư địa chí”  + Quân sự, chính trị với tập “Quân Trung từ mệnh tập”, “Bình Ngô sách”,... |
| Thơ chữ Hán | *Ức trai thi tập* | - Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách thuần thục thể thơ Đường luật trong các tác phẩm của mình:  + Mỗi bài thơ gồm có tám câu, mỗi câu có bảy chữ.  + Gieo vần ở cuối câu 1,2,4,6,và 8; chủ yếu gieo vần bằng  + Mỗi bài thơ thuộc thể bằng hoặc thể trắc (tiếng thứ hai của câu thứ nhất là vần bằng hoặc vần trắc).  + Đảm bảo đúng luật bằng - trắc: “nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh”, tức tiếng thứ 2 và tiếng thứ 6 trong dòng thơ phải khác thanh với tiếng thứ 4.  + Niêm luật: gieo thanh của câu 1 giống với câu 8 (bằng - trắc - bằng), câu 2 giống câu 3 (trắc- bằng - trắc), câu 4 giống câu 5 (bằng - trắc - bằng), câu 6 giống câu 7 (trắc - bằng - trắc).  + Bài thơ kết cấu theo 4 phần: 2 câu Đề, 2 câu Thực, 2 câu Luận, 2 câu Kết  + Luật đối: đối thanh và đối nghĩa giữa câu 3 và câu 4, câu 5 và câu 6.  - Ông sáng tạo ra một thể thơ riêng của dân tộc đó là thể thơ thất ngôn xen lẫn lục ngôn.  - Nguyễn Trãi sử dụng rất nhiều những hình ảnh thân thuộc, bình dị của đời sống, khác với văn chương trung đại tôn thờ ở những hình ảnh mỹ lệ, kỳ vĩ tượng trưng. Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi không chỉ là những cảnh kỳ vĩ, hùng tráng mà còn có cả những cảnh giản dị, đời thường.  - Ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Trãi đậm đà màu sắc dân tộc; ông sử dụng rất nhiều những từ láy, thành ngữ, tục ngữ, thi liệu từ trong ca dao. |
| Thơ chữ Nôm | *Quốc âm thi tập* |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 6) (HSKT kp làm)**

**a. Mục tiêu:**

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung:**

HS làm việc nhóm, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

GV đề xuất HS thực hiện dự án: **Nguyễn Trãi – danh nhân văn hóa**

GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ

**Yêu cầu:** Sưu tầm, tìm hiểu, sáng tác (làm thơ, vẽ tranh, chụp ảnh, thực hiện các clip phỏng vấn, clip tọa đàm về Nguyễn Trãi,…)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.

- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất

- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

1. Tìm đọc thêm các tác phẩm của Nguyễn Trãi theo đặc trưng thể loại

2. Chọn viết về một đề tài xã hội có ý kiến khác nhau, từ đó lập dàn ý cho bài thuyết trình và tập thuyết trình

3. Chuẩn bị bài 7: Quyền năng của người kể chuyện (Tìm hiểu tri thức Ngữ văn, đọc các văn bản, tóm tắt và trả lời câu hỏi trong SGK

**Phủ Lý, ngày 20 tháng 1 năm 2025**

Tổ trưởng ký duyệt

Ngô Thị Hoa